PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu "*" là địa danh thuộc vùng tranh chấp.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Huế	
2	Thị xã Hương Thủy	
3	Thị xã Hương Trà	
4	Huyện A Lưới	
5	Huyện Nam Đông	
6	Huyện Phong Điền	
7	Huyện Phú Lộc	
8	Huyện Phú Vang	
9	Huyện Quảng Điền	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	P. An Cựu	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 19"	107° 35' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 19"	107° 35' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 21"	107° 35' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 35' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 16"	107° 35' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 16"	107° 35' 52"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 23"	107° 36' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 18"	107° 36' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 05"	107° 36' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 03"	107° 36' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 56"	107° 36' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 50"	107° 36' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 07"	107° 35' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 01"	107° 35' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 13"	107° 35' 44"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 01"	107° 35' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 50"	107° 35' 44"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 14"	107° 35' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 58"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 09"	107° 35' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 40"	107° 36' 08"					E-48-96-A-a
cầu An Cựu	KX	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 35' 55"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông An Cựu	TV	P. An Cựu	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
cầu Bạc 1	KX	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 36' 22"					E-48-96-A-a
lăng Dục Đức	KX	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 10"	107° 35' 31"					E-48-96-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. An Cựu	TP. Huế			16° 28' 06"	107° 35' 19"	16° 27' 15"	107° 35' 56"	E-48-96-A-a
điện Long Ân	KX	P. An Cựu	TP. Huế	16° 27' 10"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
kênh Nam Sông Hương	TV	P. An Cựu	TP. Huế			16° 27' 41"	107° 34' 05"	16° 29' 43"	107° 34' 33"	E-48-96-A-a
núi Ngự Bình	SV	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 34"	107° 35' 39"					E-48-96-A-a
núi Tam Thai	SV	P. An Cựu	TP. Huế	16° 26' 52"	107° 35' 53"					E-48-96-A-a
quốc lộ 1A	KX	P. An Đông	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 28' 20"	107° 36' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 36' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 50"	107° 37' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 44"	107° 36' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 41"	107° 36' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 40"	107° 36' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 41"	107° 36' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 41"	107° 36' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 35"	107° 36' 17"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 30"	107° 36' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 31"	107° 36' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 32"	107° 36' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 27"	107° 36' 23"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 14	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 36' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 36' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 15"	107° 36' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 11"	107° 36' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 10"	107° 36' 17"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 15"	107° 36' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 11"	107° 36' 23"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 05"	107° 36' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 01"	107° 36' 27"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. An Đông	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
cầu Bạc 1	KX	P. An Đông	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 36' 22"					E-48-96-A-a
Sông Cùng	TV	P. An Đông	TP. Huế			16° 28' 30"	107° 36' 20"	16° 28' 25"	107° 37' 50"	E-48-96-A-a
chùa Phước An	KX	P. An Đông	TP. Huế	16° 27' 23"	107° 36' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 28"	107° 32' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 38"	107° 32' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 40"	107° 32' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 17"	107° 32' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 11"	107° 32' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 08"	107° 33' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 11"	107° 33' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 09"	107° 33' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 03"	107° 33' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 04"	107° 33' 23"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 11	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 28' 56"	107° 33' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 33' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. An Hòa	TP. Huế	16° 28' 41"	107° 33' 10"					E-48-96-A-a
Xí nghiệp 30/4	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 05"	107° 32' 56"					E-48-96-A-a
Trạm Biến áp 110 KV Huế 2	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 31"	107° 32' 15"					E-48-96-A-a
ga An Hòa	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 33' 15"	107° 33' 15"					E-48-96-A-a
sông Cổ Bưu	TV	P. An Hòa	TP. Huế			16° 29' 28"	107° 32' 11"	16° 27' 07"	107° 31' 33"	E-48-96-A-a
Sông Đào	TV	P. An Hòa	TP. Huế			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
đường Đặng Tất	KX	P. An Hòa	TP. Huế			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-96-A-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. An Hòa	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
cầu Quán Rớ	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 40"	107° 31' 56"					E-48-96-A-a
cầu Triều Tây	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 32"	107° 32' 09"					E-48-96-A-a
Trạm Trung gian An Hòa 35 KV	KX	P. An Hòa	TP. Huế	16° 29' 03"	107° 32' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 53"	107° 36' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 23"	107° 35' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 14"	107° 35' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 01"	107° 35' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 25' 57"	107° 35' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 23"	107° 35' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 01"	107° 35' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 25' 19"	107° 35' 22"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 10	DC	P. An Tây	TP. Huế	16° 24' 57"	107° 35' 32"					E-48-96-A-a
Trạm Biến thế 110 KV Ngự Bình	KX	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 22"	107° 36' 07"					E-48-96-A-a
đường An Dương Vương	KX	P. An Tây	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
cầu Bạc 1	KX	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 36' 22"					E-48-96-A-a
Núi Bân	SV	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 35"	107° 35' 18"					E-48-96-A-a
khe Châu Ê	TV	P. An Tây	TP. Huế			16° 24' 49"	107° 36' 34"	16° 24' 00"	107° 34' 32"	E-48-96-A-a
núi Động Tranh	SV	P. An Tây	TP. Huế	16° 25' 39"	107° 36' 26"					E-48-96-A-a
Khe Lim	TV	P. An Tây	TP. Huế			16° 24' 54"	107° 35' 11"	16° 25' 34"	107° 33' 47"	E-48-96-A-a
kênh Nam Sông Hương	TV	P. An Tây	TP. Huế			16° 27' 23"	107° 36' 20"	16° 25' 31"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
núi Tam Thai	SV	P. An Tây	TP. Huế	16° 25' 40"	107° 35' 33"					E-48-96-A-a
Tịnh thất Thiền Đức	KX	P. An Tây	TP. Huế	16° 25' 20"	107° 35' 20"					E-48-96-A-a
chùa Từ Hóa	KX	P. An Tây	TP. Huế	16° 26' 09"	107° 35' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 17"	107° 34' 24"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 14"	107° 34' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 21"	107° 34' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 19"	107° 34' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 21"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 34' 42"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 34' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 34"	107° 34' 25"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 9	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 34' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 23"	107° 34' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 24"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 20"	107° 33' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 18"	107° 33' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 14"	107° 33' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 09"	107° 33' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 09"	107° 33' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 04"	107° 33' 18"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Đúc	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
cầu Dã Viên	KX	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
Nhà máy Nước Dã Viên	KX	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 31"	107° 34' 06"					E-48-96-A-a
Ga Huế	KX	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 25"	107° 34' 35"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Đúc	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
khu dân cư Lịch Đợi	DC	P. Đúc	TP. Huế	16° 27' 15"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 57"	107° 31' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 57"	107° 31' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 28' 06"	107° 32' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 53"	107° 32' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 59"	107° 32' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 38"	107° 32' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 44"	107° 32' 29"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 28' 04"	107° 32' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 56"	107° 32' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 49"	107° 32' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 49"	107° 32' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 28' 03"	107° 33' 07"					E-48-96-A-a
đường tỉnh 12B	KX	P. Hương Long	TP. Huế			16° 27' 44"	107° 34' 07"	16° 23' 27"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 47"	107° 33' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 43"	107° 33' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 33' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 33' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 36"	107° 32' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 15"	107° 32' 41"					E-48-96-A-a
sông Bạch Yến	TV	P. Hương Long	TP. Huế			16° 26' 26"	107° 30' 25"	16° 28' 30"	107° 33' 27"	E-48-96-A-a
sông Cổ Bưu	TV	P. Hương Long	TP. Huế			16° 29' 28"	107° 32' 11"	16° 27' 07"	107° 31' 33"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Hương Long	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
chùa Thiên Mụ	KX	P. Hương Long	TP. Huế	16° 27' 17"	107° 32' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 09"	107° 33' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 18"	107° 33' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 19"	107° 33' 24"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 31"	107° 33' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 49"	107° 33' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 40"	107° 33' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 54"	107° 33' 49"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 56"	107° 33' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 30' 00"	107° 34' 00"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 30' 08"	107° 34' 03"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 24"	107° 33' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Hương Sơ	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
Sông Đào	TV	P. Hương Sơ	TP. Huế			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
đường Đặng Tất	KX	P. Hương Sơ	TP. Huế			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 29"	107° 33' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 09"	107° 33' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 33' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 33' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 53"	107° 33' 30"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 49"	107° 33' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 44"	107° 33' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 42"	107° 33' 21"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 32"	107° 33' 17"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 36"	107° 33' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 38"	107° 33' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 47"	107° 33' 45"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 12B	KX	P. Kim Long	TP. Huế			16° 27' 44"	107° 34' 07"	16° 23' 27"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 42"	107° 33' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 51"	107° 33' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 56"	107° 33' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 58"	107° 33' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 33' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 13"	107° 33' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 17"	107° 33' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 21"	107° 33' 24"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 19"	107° 33' 31"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. Kim Long	TP. Huế	16° 28' 08"	107° 33' 29"					E-48-96-A-a
sông Bạch Yến	TV	P. Kim Long	TP. Huế			16° 26' 26"	107° 30' 25"	16° 28' 30"	107° 33' 27"	E-48-96-A-a
cầu Dã Viên	KX	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
Sông Đào	TV	P. Kim Long	TP. Huế			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Kim Long	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
khu nhà vườn Phú Mộng	KX	P. Kim Long	TP. Huế	16° 27' 46"	107° 33' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 06"	107° 34' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 10"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 15"	107° 34' 37"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 20"	107° 34' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 23"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 29"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 37"	107° 34' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 39"	107° 34' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 36"	107° 34' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 27"	107° 34' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 20"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
cầu Cửa Hậu	KX	P. Phú Bình	TP. Huế	16° 29' 31"	107° 34' 21"					E-48-96-A-a
Sông Đào	TV	P. Phú Bình	TP. Huế			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
sông Đông Ba	TV	P. Phú Bình	TP. Huế			16° 28' 26"	107° 35' 17"	16° 29' 42"	107° 34' 36"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Bình	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 35' 17"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 44"	107° 35' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 54"	107° 35' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 58"	107° 35' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 58"	107° 35' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 56"	107° 35' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 49"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 35' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 35' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 41"	107° 35' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 46"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 45"	107° 35' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 35"	107° 35' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 15	DC	P. Phú Cát	TP. Huế	16° 28' 47"	107° 35' 05"					E-48-96-A-a
đường Bạch Đằng	KX	P. Phú Cát	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 15"	16° 29' 19"	107° 34' 38"	E-48-96-A-a
đường Chi Lăng	KX	P. Phú Cát	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 15"	16° 29' 50"	107° 35' 04"	E-48-96-A-a
sông Đông Ba	TV	P. Phú Cát	TP. Huế			16° 28' 26"	107° 35' 17"	16° 29' 42"	107° 34' 36"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Cát	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 24"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 26"	107° 35' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 30"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 33"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 36"	107° 35' 17"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 25"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 38"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 41"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 39"	107° 35' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 44"	107° 35' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 54"	107° 35' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 51"	107° 35' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 36"	107° 34' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 34"	107° 34' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 42"	107° 35' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Phú Hậu	TP. Huế	16° 29' 31"	107° 34' 58"					E-48-96-A-a
đường Chi Lăng	KX	P. Phú Hậu	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 15"	16° 29' 50"	107° 35' 04"	E-48-96-A-a
sông Đông Ba	TV	P. Phú Hậu	TP. Huế			16° 28' 26"	107° 35' 17"	16° 29' 42"	107° 34' 36"	E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hương	TV	P. Phú Hậu	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 21"	107° 34' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 13"	107° 34' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 10"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 00"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 06"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 18"	107° 35' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 03"	107° 35' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 07"	107° 35' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 12"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 15"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 15"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 17"	107° 35' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 20"	107° 35' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 19"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 18"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 17"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Phú Hiệp	TP. Huế	16° 29' 15"	107° 35' 01"					E-48-96-A-a
đường Bạch Đằng	KX	P. Phú Hiệp	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 15"	16° 29' 19"	107° 34' 38"	E-48-96-A-a
đường Chi Lăng	KX	P. Phú Hiệp	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 15"	16° 29' 50"	107° 35' 04"	E-48-96-A-a
sông Đông Ba	TV	P. Phú Hiệp	TP. Huế			16° 28' 26"	107° 35' 17"	16° 29' 42"	107° 34' 36"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Hiệp	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 07"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 09"	107° 34' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 14"	107° 35' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 21"	107° 35' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 35' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 43"	107° 35' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 35' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 47"	107° 34' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 51"	107° 34' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 58"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
bến xe Đông Ba	KX	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 23"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
sông Đông Ba	TV	P. Phú Hòa	TP. Huế			16° 28' 26"	107° 35' 17"	16° 29' 42"	107° 34' 36"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Hòa	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Lê Duẩn	KX	P. Phú Hòa	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
cầu Phú Xuân	KX	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 27' 59"	107° 35' 00"					E-48-96-A-a
cầu Trường Tiền	KX	P. Phú Hòa	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 33"	107° 35' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 36"	107° 35' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 51"	107° 35' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 52"	107° 35' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 57"	107° 35' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 00"	107° 35' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 00"	107° 35' 40"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 35' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 00"	107° 35' 30"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 35' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 14"	107° 35' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 20"	107° 35' 37"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 25"	107° 35' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 16"	107° 35' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 15"	107° 35' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 14"	107° 35' 48"					E-48-96-A-a
cầu An Cựu	KX	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 35' 55"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Phú Hội	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
Trường Đại học Sư phạm Huế	KX	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 35' 27"					E-48-96-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. Phú Hội	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Hội	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Lê Lợi	KX	P. Phú Hội	TP. Huế			16° 28' 25"	107° 35' 36"	16° 27' 30"	107° 34' 38"	E-48-96-A-a
sông Như Ý	TV	P. Phú Hội	TP. Huế			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-a
cầu Trường Tiền	KX	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
cầu Vỹ Dạ	KX	P. Phú Hội	TP. Huế	16° 28' 21"	107° 35' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 34"	107° 35' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 31"	107° 35' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 35' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 29"	107° 35' 42"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 27"	107° 35' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 33"	107° 35' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 35"	107° 35' 37"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 37"	107° 35' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 42"	107° 35' 31"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 49"	107° 35' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 58"	107° 35' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 45"	107° 35' 34"					E-48-96-A-a
cầu An Cựu	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 35' 55"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Phú Nhuận	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
Trường Đại học Khoa Học	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 27' 41"	107° 35' 26"					E-48-96-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Nhuận	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Lê Lợi	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế			16° 28' 25"	107° 35' 36"	16° 27' 30"	107° 34' 38"	E-48-96-A-a
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 35' 52"	16° 27' 34"	107° 34' 43"	E-48-96-A-a
cầu Trường Tiền	KX	P. Phú Nhuận	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 27' 52"	107° 34' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 27' 50"	107° 33' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 33' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 04"	107° 33' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 18"	107° 33' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 17"	107° 33' 39"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 38"	107° 33' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 37"	107° 33' 24"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 33' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 28' 56"	107° 33' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 29' 09"	107° 33' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 29' 15"	107° 33' 57"					E-48-96-A-a
đường tỉnh 12B	KX	P. Phú Thuận	TP. Huế			16° 27' 44"	107° 34' 07"	16° 23' 27"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
cầu Dã Viên	KX	P. Phú Thuận	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
Sông Đào	TV	P. Phú Thuận	TP. Huế			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Phú Thuận	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Lê Duẩn	KX	P. Phú Thuận	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 13"	107° 34' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 14"	107° 34' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 18"	107° 34' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 19"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 35' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 22"	107° 35' 21"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 21"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 11"	107° 35' 23"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 04"	107° 35' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 52"	107° 35' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 55"	107° 35' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 03"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 13	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 35' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 10"	107° 35' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 06"	107° 35' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 12"	107° 35' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 10"	107° 35' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 13"	107° 35' 21"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 27' 16"	107° 35' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 49"	107° 35' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 45"	107° 35' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. Phước Vĩnh	TP. Huế	16° 26' 42"	107° 35' 07"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Phước Vĩnh	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 59"	107° 33' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 33' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 52"	107° 33' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 48"	107° 33' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 43"	107° 33' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 41"	107° 33' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 32"	107° 34' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 22"	107° 33' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 30"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 33' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 33' 46"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 13	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 50"	107° 33' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 28"	107° 33' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 26"	107° 33' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 29"	107° 33' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 37"	107° 33' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 33' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 23"	107° 33' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 20"	107° 33' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 20"	107° 33' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 26"	107° 34' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 23	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 24	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 34' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 25	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 44"	107° 34' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 26	DC	P. Tây Lộc	TP. Huế	16° 28' 55"	107° 33' 51"					E-48-96-A-a
đường Tôn Thất Thiệp	KX	P. Tây Lộc	TP. Huế			16° 27' 49"	107° 34' 08"	16° 28' 45"	107° 33' 26"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 58"	107° 34' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 02"	107° 34' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 08"	107° 34' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 14"	107° 34' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 19"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 30"	107° 34' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 23"	107° 34' 15"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 8	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 25"	107° 34' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 23"	107° 34' 23"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 34' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 18"	107° 34' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 15"	107° 33' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 33' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 10"	107° 34' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 34' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 60"	107° 34' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 54"	107° 34' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 08"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 56"	107° 34' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 58"	107° 34' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 56"	107° 34' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 59"	107° 34' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 23	DC	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 27' 60"	107° 34' 10"					E-48-96-A-a
Quảng trường Ngọ Môn	KX	P. Thuận Hòa	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 34' 40"					E-48-96-A-a
đường Ông Ích Khiêm	KX	P. Thuận Hòa	TP. Huế			16° 27' 49"	107° 34' 08"	16° 28' 25"	107° 35' 04"	E-48-96-A-a
đường Tôn Thất Thiệp	KX	P. Thuận Hòa	TP. Huế			16° 27' 49"	107° 34' 08"	16° 28' 45"	107° 33' 26"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 29' 13"	107° 34' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 59"	107° 34' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 52"	107° 34' 06"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 4	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 29' 01"	107° 34' 07"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 29' 01"	107° 34' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 52"	107° 34' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 55"	107° 34' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 59"	107° 34' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 55"	107° 34' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 48"	107° 34' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 38"	107° 34' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 40"	107° 34' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 46"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 48"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 46"	107° 34' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 52"	107° 34' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 28' 55"	107° 34' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 29' 01"	107° 34' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Thuận Lộc	TP. Huế	16° 29' 02"	107° 34' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 38"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 36"	107° 34' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 28"	107° 35' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 22"	107° 34' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 25"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 8	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 27"	107° 34' 44"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 34' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 29"	107° 34' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 34' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 36"	107° 34' 26"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 34' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 34"	107° 34' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 47"	107° 34' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 48"	107° 34' 10"					E-48-96-A-a
Trường Đại học Nghệ thuật	KX	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 44"	107° 34' 20"					E-48-96-A-a
Trường Đại học Nông lâm	KX	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 41"	107° 34' 14"					E-48-96-A-a
đường Ông Ích Khiêm	KX	P. Thuận Thành	TP. Huế			16° 27' 49"	107° 34' 08"	16° 28' 25"	107° 35' 04"	E-48-96-A-a
Điện Thái Hòa	KX	P. Thuận Thành	TP. Huế	16° 28' 16"	107° 34' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 27' 06"	107° 33' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 27' 02"	107° 32' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 60"	107° 32' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 27' 00"	107° 32' 44"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 56"	107° 32' 37"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 46"	107° 32' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 32' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 50"	107° 31' 58"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 46"	107° 32' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 28"	107° 32' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 22"	107° 32' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 18"	107° 32' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 33"	107° 32' 30"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 21"	107° 32' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 08"	107° 32' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 22"	107° 33' 29"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 30"	107° 33' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 41"	107° 33' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 44"	107° 32' 60"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Thủy Biều	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
Khe Lim	TV	P. Thủy Biều	TP. Huế			16° 25' 20"	107° 35' 09"	16° 25' 34"	107° 33' 47"	E-48-96-A-a
Nhà máy Nước Vạn Niên	KX	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 25' 55"	107° 33' 30"					E-48-96-A-a
Nhà máy Xi măng Long Thọ	KX	P. Thủy Biều	TP. Huế	16° 26' 55"	107° 32' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 17"	107° 35' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 44"	107° 35' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 27"	107° 34' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 40"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 03"	107° 34' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 03"	107° 34' 45"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 34"	107° 34' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 00"	107° 34' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 21"	107° 34' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 26"	107° 34' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 20"	107° 33' 37"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 35"	107° 33' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 34"	107° 33' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 45"	107° 33' 31"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 27' 01"	107° 33' 31"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 38"	107° 34' 34"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 32"	107° 34' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 45"	107° 34' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 56"	107° 34' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 20	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 51"	107° 34' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 21	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 40"	107° 34' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 22	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 33' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 23	DC	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 27' 12"	107° 33' 50"					E-48-96-A-a
lăng Đồng Khánh	KX	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 50"	107° 33' 60"					E-48-96-A-a
Khe Lim	TV	P. Thủy Xuân	TP. Huế			16° 24' 54"	107° 35' 11"	16° 25' 34"	107° 33' 47"	E-48-96-A-a
cầu Lim 1	KX	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 46"	107° 34' 38"					E-48-96-A-a
cầu Lim 2	KX	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 25' 41"	107° 34' 39"					E-48-96-A-a
kênh Nam Sông	TV	P. Thủy Xuân	TP. Huế			16° 27' 23"	107° 36' 20"	16° 25' 31"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Rượu Sake Nhật Bản	KX	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 30"	107° 33' 41"					E-48-96-A-a
lăng Tự Đức	KX	P. Thủy Xuân	TP. Huế	16° 26' 02"	107° 33' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 27' 19"	107° 34' 47"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 27' 14"	107° 34' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 27' 08"	107° 34' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 34' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 50"	107° 34' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 40"	107° 34' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 27' 06"	107° 34' 52"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 27' 02"	107° 34' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 59"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 28"	107° 34' 46"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 36"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 32"	107° 34' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13A	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 18"	107° 34' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 52"	107° 34' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 55"	107° 35' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 43"	107° 35' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16A	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 31"	107° 35' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 57"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 48"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Trường An	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đàn Nam Giao	KX	P. Trường An	TP. Huế	16° 26' 19"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 33"	107° 35' 35"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 31"	107° 35' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 29"	107° 35' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 35' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 44"	107° 35' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 49"	107° 35' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 56"	107° 35' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 01"	107° 35' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 57"	107° 35' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 07"	107° 35' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 05"	107° 35' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 14"	107° 35' 38"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13A	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 27"	107° 35' 52"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13B	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 23"	107° 35' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14A	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 27"	107° 36' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14B	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 19"	107° 36' 03"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15A	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 48"	107° 35' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15B	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 03"	107° 36' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 35"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 39"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 45"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 52"	107° 35' 28"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 20	DC	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 29' 02"	107° 35' 27"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Vĩ Dạ	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Nguyễn Sinh Cung	KX	P. Vĩ Dạ	TP. Huế			16° 28' 32"	107° 35' 36"	16° 29' 39"	107° 35' 32"	E-48-96-A-a
sông Như Ý	TV	P. Vĩ Dạ	TP. Huế			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-a
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Vĩ Dạ	TP. Huế			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-a
cầu Vĩ Dạ	KX	P. Vĩ Dạ	TP. Huế	16° 28' 21"	107° 35' 53"					E-48-96-A-a
quốc lộ 1A	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 35"	107° 34' 32"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 31"	107° 34' 41"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 33"	107° 34' 50"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 27"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 28"	107° 34' 54"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 23"	107° 34' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 29"	107° 35' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 29"	107° 35' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 29"	107° 35' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 34"	107° 35' 18"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 35' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 37"	107° 35' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 44"	107° 35' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 48"	107° 35' 13"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 16	DC	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 57"	107° 35' 14"					E-48-96-A-a
sông An Cựu	TV	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 34' 27"	16° 27' 03"	107° 36' 57"	E-48-96-A-a
Trường Cao đẳng Y tế Huế	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 32"	107° 35' 04"					E-48-96-A-a
Trường Đại học Y dược	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
đường Lê Lợi	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 28' 25"	107° 35' 36"	16° 27' 30"	107° 34' 38"	E-48-96-A-a
đường Ngô Quyền	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 27' 53"	107° 35' 21"	16° 27' 33"	107° 34' 57"	E-48-96-A-a
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế			16° 27' 37"	107° 35' 52"	16° 27' 34"	107° 34' 43"	E-48-96-A-a
cầu Phú Xuân	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 59"	107° 35' 00"					E-48-96-A-a
Trường Trung học phổ thông Chuyên Quốc học/Huế	KX	P. Vĩnh Ninh	TP. Huế	16° 27' 40"	107° 34' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 43"	107° 35' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 45"	107° 35' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 56"	107° 35' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 01"	107° 35' 53"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 10"	107° 35' 51"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 11"	107° 35' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 10"	107° 35' 60"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 10"	107° 36' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 09"	107° 36' 08"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 10"	107° 36' 11"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 11	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 13"	107° 36' 14"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 05"	107° 36' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 04"	107° 36' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13A	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 12"	107° 36' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 15"	107° 36' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 22"	107° 36' 20"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15A	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 24"	107° 36' 27"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 28' 22"	107° 36' 42"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 39"	107° 35' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 18	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 42"	107° 36' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 19	DC	P. Xuân Phú	TP. Huế	16° 27' 45"	107° 36' 06"					E-48-96-A-a
Sông Cùng	TV	P. Xuân Phú	TP. Huế			16° 28' 30"	107° 36' 20"	16° 28' 25"	107° 37' 50"	E-48-96-A-a
sông Như Ý	TV	P. Xuân Phú	TP. Huế			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 25' 07"	107° 39' 51"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 2	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 25' 05"	107° 39' 59"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 3	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 58"	107° 40' 12"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 4	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 55"	107° 40' 19"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 5	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 57"	107° 40' 29"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 6	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 54"	107° 40' 37"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 7	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 41"	107° 40' 14"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 8	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 27"	107° 40' 33"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 9	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 48"	107° 40' 45"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 10	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 45"	107° 40' 50"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 11	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 44"	107° 40' 00"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 12	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 34"	107° 39' 53"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 13	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 37"	107° 40' 22"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 14	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 30"	107° 40' 13"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 15	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy			16° 23' 19"	107° 41' 02"	16° 17' 15"	107° 38' 13"	E-48-96-A-b, E-48-96-A-d
tổ dân phố 15	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 08"	107° 40' 13"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 16	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 37"	107° 40' 53"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 17	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 23' 57"	107° 41' 00"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 18	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 18"	107° 40' 58"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 19	DC	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 22' 48"	107° 40' 11"					E-48-96-A-b
hồ Ba Cửa	TV	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 11"	107° 40' 37"					E-48-96-A-b
Xí nghiệp Cơ khí Thủy lợi	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 12"	107° 40' 23"					E-48-96-A-b
núi Đòn Kiêng	SV	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 22' 25"	107° 39' 57"					E-48-96-A-d
Trung tâm Giáo dục Quốc phòng	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 25' 00"	107° 40' 28"					E-48-96-A-b
Công ty Giấy Bao Bì	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 23"	107° 41' 04"					E-48-96-A-b
ga Hương Thủy	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 25' 09"	107° 39' 47"					E-48-96-A-b
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-b
khu công nghiệp Phú Bài	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 23' 21"	107° 41' 43"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Phù Bài	TV	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy			16° 21' 43"	107° 40' 02"	16° 23' 34"	107° 44' 33"	E-48-96-A-d, E-48-96-A-b
Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 11"	107° 42' 05"					E-48-96-A-b
chùa Tâm Bửu	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 24' 47"	107° 40' 26"					E-48-96-A-b
Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy	16° 23' 36"	107° 40' 54"					E-48-96-A-b
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Phú Bài	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 27' 00"	107° 39' 30"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 26' 35"	107° 40' 11"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 3	KX	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 41"	107° 39' 17"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 36"	107° 39' 23"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 27"	107° 39' 38"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 23"	107° 39' 03"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 22"	107° 39' 10"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 07"	107° 39' 22"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 13"	107° 39' 29"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 24' 56"	107° 39' 28"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 10A	KX	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-b
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 16"	107° 39' 44"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 24"	107° 39' 52"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 13	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 14"	107° 40' 04"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 14	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 33"	107° 40' 19"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 15	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 23"	107° 40' 18"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 16	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 25"	107° 40' 34"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 17	DC	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 33"	107° 40' 39"					E-48-96-A-b
hồ Châu Sơn	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 24' 58"	107° 39' 04"					E-48-96-A-b
núi Đá Nài	SV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 21' 33"	107° 39' 13"					E-48-96-A-d
sông Đại Giang	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
Khe Đon	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 23' 22"	107° 39' 36"	16° 20' 53"	107° 36' 56"	E-48-96-A-d, E-48-96-A-c
núi Đòn Kiêng	SV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 22' 25"	107° 39' 57"					E-48-96-A-d
đồi Lang Xá	SV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 13"	107° 39' 15"					E-48-96-A-b
sông Lợi Nông	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 27' 03"	107° 36' 57"	16° 26' 39"	107° 39' 52"	E-48-96-A-b
núi Mồ Cáu	SV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 21' 18"	107° 39' 14"					E-48-96-A-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-b
sông Như Ý	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-b
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
Cầu Vực	KX	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy	16° 25' 37"	107° 39' 08"					E-48-96-A-b
Sông Vực	TV	P. Thủy Châu	TX. Hương Thủy			16° 25' 04"	107° 39' 07"	16° 26' 02"	107° 39' 48"	E-48-96-A-b
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 47"	107° 36' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 38"	107° 36' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 31"	107° 36' 37"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 24"	107° 36' 43"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 36"	107° 36' 56"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 29"	107° 36' 49"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 27' 03"	107° 37' 12"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 37"	107° 37' 09"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 36"	107° 37' 16"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 35"	107° 37' 22"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 33"	107° 37' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 12"	107° 37' 10"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 33"	107° 37' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 27"	107° 37' 25"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 03"	107° 37' 23"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 16	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 00"	107° 37' 13"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 17	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 25"	107° 37' 33"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 18	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 18"	107° 37' 40"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 19	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 08"	107° 37' 35"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 20	DC	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 25' 01"	107° 36' 50"					E-48-96-A-a
cầu Bạc 2	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 46"	107° 36' 43"					E-48-96-A-a
Cầu Bản	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 27"	107° 37' 19"					E-48-96-A-a
khe Châu Ê	TV	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy			16° 24' 49"	107° 36' 34"	16° 24' 00"	107° 34' 32"	E-48-96-A-a
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 24"	107° 37' 09"					E-48-96-A-a
núi Động Sầm	SV	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 13"	107° 37' 27"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Động Tranh	SV	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 25' 39"	107° 36' 26"					E-48-96-A-a
chùa Kim Sơn	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 21"	107° 37' 29"					E-48-96-A-a
sông Lợi Nông	TV	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy			16° 27' 03"	107° 36' 57"	16° 26' 39"	107° 39' 52"	E-48-96-A-b
chùa Nam Sơn	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy	16° 26' 18"	107° 37' 14"					E-48-96-A-a
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a, E-48-96-A-b
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Thủy Dương	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 51"	107° 41' 15"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 41"	107° 41' 42"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 31"	107° 41' 47"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 21"	107° 41' 39"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 25"	107° 41' 14"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 06"	107° 41' 56"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 01"	107° 41' 57"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 24' 28"	107° 41' 58"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 02"	107° 41' 31"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 24' 45"	107° 41' 32"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 10A	KX	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-b
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 17"	107° 40' 46"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 41"	107° 41' 14"					E-48-96-A-b
sông Đại Giang	TV	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
chùa Lương Văn	KX	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 25' 13"	107° 41' 32"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Phú Thứ	KX	P. Thủy Lương	TX. Hương Thủy	16° 26' 03"	107° 42' 23"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 1	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 26' 11"	107° 37' 50"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 2	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 26' 07"	107° 37' 59"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 3	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
tổ dân phố 3	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 53"	107° 37' 59"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 4	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 48"	107° 37' 55"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 5	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 44"	107° 38' 12"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 6	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 26' 46"	107° 38' 48"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 7	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 25' 56"	107° 38' 06"	16° 21' 05"	107° 37' 13"	E-48-96-A-b, E-48-96-A-d
tổ dân phố 7	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 25"	107° 38' 07"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 8	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 32"	107° 38' 19"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 9	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 25"	107° 38' 26"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 10	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 14"	107° 38' 12"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 11	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 24' 59"	107° 38' 02"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 12	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 24' 08"	107° 37' 37"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 13	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 08"	107° 38' 25"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 14	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 11"	107° 38' 34"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 15	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 29"	107° 38' 56"					E-48-96-A-b
tổ dân phố 16	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 44"	107° 39' 03"					E-48-96-A-b
Xóm Cầu	DC	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 22' 33"	107° 38' 38"					E-48-96-A-b
hồ Châu Sơn	TV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 24' 58"	107° 39' 04"					E-48-96-A-b
núi Đá Nài	SV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 21' 33"	107° 39' 13"					E-48-96-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Đon	TV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 23' 22"	107° 39' 36"	16° 20' 53"	107° 36' 56"	E-48-96-A-d
sông Lợi Nông	TV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 27' 03"	107° 36' 57"	16° 26' 39"	107° 39' 52"	E-48-96-A-b
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-b
cầu Ông Bang	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 31"	107° 37' 55"					E-48-96-A-b
Nhà máy Phân vi sinh	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 23' 56"	107° 38' 03"					E-48-96-A-b
Khe Phường	TV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 25' 43"	107° 37' 25"	16° 25' 46"	107° 38' 39"	E-48-96-A-b
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
Cầu Vực	KX	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy	16° 25' 37"	107° 39' 08"					E-48-96-A-b
Sông Vực	TV	P. Thủy Phương	TX. Hương Thủy			16° 25' 04"	107° 39' 07"	16° 26' 02"	107° 39' 48"	E-48-96-A-b
đường tỉnh 15	KX	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 23' 19"	107° 41' 02"	16° 17' 15"	107° 38' 13"	E-48-96-A-d
khe 57	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 15' 07"	107° 36' 15"	16° 16' 10"	107° 38' 33"	E-48-96-A-c, E-48-96-A-d
khe A Nghịch	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 12' 39"	107° 38' 46"	16° 12' 27"	107° 38' 56"	E-48-96-C
thôn Buồng Tằm	DC	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 20' 16"	107° 36' 54"					E-48-96-A-c
Khe Cáy	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 20' 11"	107° 34' 02"	16° 21' 42"	107° 33' 12"	E-48-96-A-c
núi Đá Đen	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 18' 33"	107° 38' 34"					E-48-96-A-d
Khe Đại	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 14' 35"	107° 35' 14"	16° 18' 13"	107° 33' 04"	E-48-96-A-c
Khe Đầy	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 18' 13"	107° 33' 04"	16° 21' 43"	107° 33' 07"	E-48-96-A-c
Núi Do	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 10' 31"	107° 34' 25"					E-48-96-C
Núi Gáy	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 20' 48"	107° 34' 05"					E-48-96-A-c
núi Gia Chương	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 19' 37"	107° 38' 05"					E-48-96-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Gia Tham	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 19' 05"	107° 38' 34"					E-48-96-A-d
Thôn Hạ	DC	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 20' 31"	107° 36' 53"					E-48-96-A-c
Thôn Hộ	DC	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 19' 53"	107° 36' 53"					E-48-96-A-c
núi Học Nâu	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 18' 58"	107° 36' 21"					E-48-96-A-c
sông Hữu Trạch	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-96-A-c, E-48-96-C
núi Khe Tre	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 20' 14"	107° 37' 21"					E-48-96-A-c
khe La Ma	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 06' 50"	107° 35' 17"	16° 13' 05"	107° 39' 56"	E-48-96-C
Khe Lôi	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 14' 06"	107° 33' 31"	16° 13' 20"	107° 31' 28"	E-48-96-C
thôn Lương Miêu	DC	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 20' 18"	107° 37' 54"					E-48-96-A-c
núi Mang Chan	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 14' 06"	107° 34' 56"					E-48-96-C
khe Mụ Nú	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 05' 03"	107° 33' 35"	16° 10' 24"	107° 31' 05"	E-48-96-C
Khe Ngang	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 18' 08"	107° 40' 19"	16° 18' 32"	107° 41' 56"	E-48-96-A-d
Khe Nghia	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 12' 17"	107° 33' 06"	16° 12' 08"	107° 31' 35"	E-48-96-C
Khe Nhụi	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 14' 29"	107° 32' 59"	16° 16' 16"	107° 29' 55"	E-48-96-A-c
Khe Rệ	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 14' 59"	107° 35' 51"	16° 14' 08"	107° 38' 44"	E-48-96-C
Núi Rệ	SV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 19' 08"	107° 34' 41"					E-48-96-A-c
khe Rến Bôn	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 18' 38"	107° 36' 13"	16° 18' 58"	107° 37' 13"	E-48-96-A-c
Khe Ruộng	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 16' 44"	107° 40' 02"	16° 17' 54"	107° 37' 55"	E-48-96-A-d
sông Tả Trạch	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-A-c, E-48-96-C
thôn Thanh Vân	DC	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 19' 35"	107° 37' 08"					E-48-96-A-c
hồ Thọ Sơn	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy	16° 28' 23"	107° 28' 34"					E-48-96-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Trầu	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 20' 10"	107° 35' 12"	16° 21' 15"	107° 36' 23"	E-48-96-A-c
Khe Vàng	TV	xã Dương Hòa	TX. Hương Thủy			16° 15' 11"	107° 35' 48"	16° 17' 27"	107° 38' 00"	E-48-96-A-c, E-48-96-A-d
thôn 1	DC	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 19' 19"	107° 41' 20"					E-48-96-A-d
thôn 2	DC	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 19' 53"	107° 40' 01"					E-48-96-A-d
thôn 3	DC	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 19' 42"	107° 39' 15"					E-48-96-A-d
thôn 4	DC	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 22' 16"	107° 37' 25"					E-48-96-A-c
đường tỉnh 7	KX	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 25' 56"	107° 38' 06"	16° 21' 05"	107° 37' 13"	E-48-96-A-d
đường tỉnh 15	KX	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 23' 19"	107° 41' 02"	16° 17' 15"	107° 38' 13"	E-48-96-A-d
Khe Chơn	TV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 19' 40"	107° 39' 42"	16° 21' 07"	107° 37' 14"	E-48-96-A-d, E-48-96-A-c
Núi Chơn	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 20' 54"	107° 37' 39"					E-48-96-A-d
Khe Chứa	TV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 18' 40"	107° 40' 38"	16° 18' 32"	107° 41' 56"	E-48-96-A-d
núi Cồn Trao	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 20' 48"	107° 38' 30"					E-48-96-A-d
núi Đá Nài	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 21' 33"	107° 39' 13"					E-48-96-A-d
Khe Đon	TV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 23' 22"	107° 39' 36"	16° 20' 53"	107° 36' 56"	E-48-96-A-d, E-48-96-A-c
núi Động Hoàng	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 22' 00"	107° 36' 45"					E-48-96-A-c
núi Động Voi	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 20' 44"	107° 39' 36"					E-48-96-A-d
núi Gia Chương	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 19' 37"	107° 38' 05"					E-48-96-A-d
núi Gia Tham	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 19' 05"	107° 38' 34"					E-48-96-A-d
núi Gích Dương	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 20' 25"	107° 40' 24"					E-48-96-A-d
núi Mồ Cáu	SV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy	16° 21' 18"	107° 39' 14"					E-48-96-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Sòng	TV	xã Phú Sơn	TX. Hương Thủy			16° 19' 02"	107° 40' 51"	16° 20' 52"	107° 42' 54"	E-48-96-A-d
đường tỉnh 7	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 25' 56"	107° 38' 06"	16° 21' 05"	107° 37' 13"	E-48-96-A-d
quốc lộ 49A	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-a
thôn An Ninh	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 05"	107° 34' 52"					E-48-96-A-a
thôn Bằng Lãng	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 24"	107° 34' 37"					E-48-96-A-a
bến đò Bến Than	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 25' 19"	107° 33' 42"					E-48-96-A-a
thôn Châu Chữ	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 52"	107° 35' 58"					E-48-96-A-a
khe Châu Ê	SV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 24' 49"	107° 36' 34"	16° 24' 00"	107° 34' 32"	E-48-96-A-a
thôn Cư Chánh 1	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 25' 12"	107° 34' 29"					E-48-96-A-a
thôn Cư Chánh 2	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 25' 12"	107° 34' 45"					E-48-96-A-a
đình làng Dạ Khê	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 22' 37"	107° 36' 02"					E-48-96-A-a
núi Độn Dài	SV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 27"	107° 34' 14"					E-48-96-A-a
núi Động Hoàng	SV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 22' 00"	107° 36' 45"					E-48-96-A-c
thôn Dương Phẩm	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 22' 47"	107° 35' 19"					E-48-96-A-a
thôn Gia Khê	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 22' 44"	107° 35' 53"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
chùa Khải Ân	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 58"	107° 34' 33"					E-48-96-A-a
lăng Khải Định	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 01"	107° 35' 20"					E-48-96-A-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 25"	107° 34' 51"					E-48-96-A-a
thôn La Khê	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 53"	107° 34' 33"					E-48-96-A-a
Khe Lim	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 25' 20"	107° 35' 09"	16° 25' 34"	107° 33' 47"	E-48-96-A-a
Công ty Mộc Mỹ nghệ Hương Giang	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 04"	107° 35' 10"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nam Sông Hương	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 27' 23"	107° 36' 20"	16° 25' 31"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
thôn Nguyệt Biều	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 26"	107° 36' 05"					E-48-96-A-a
tượng đài Quan Thế Âm	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 34"	107° 34' 56"					E-48-96-A-a
sông Tả Trạch	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-A-c, E-48-96-A-a
thôn Tân Ba	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 21' 24"	107° 36' 38"					E-48-96-A-c
đan viện Thiên An	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 44"	107° 34' 49"					E-48-96-A-a
lăng Thiệu Trị	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 25' 04"	107° 34' 19"					E-48-96-A-a
hồ Thủy Lợi	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 43"	107° 34' 27"					E-48-96-A-a
hồ Thủy Tiên	TV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 19"	107° 34' 29"					E-48-96-A-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Tiền Phong	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 24' 45"	107° 35' 02"					E-48-96-A-a
đường tránh phía Tây thành phố	KX	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
thôn Võ Xá	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 22' 10"	107° 36' 23"					E-48-96-A-c
Núi Vung	SV	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 23' 38"	107° 35' 29"					E-48-96-A-a
thôn Vỹ Dạ	DC	xã Thủy Bằng	TX. Hương Thủy	16° 21' 48"	107° 36' 22"					E-48-96-A-c
quốc lộ 1A	KX	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-b, E-48-96-A-d
thôn 1A	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 25"	107° 43' 02"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1B	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 10"	107° 42' 04"					E-48-96-A-b
thôn 2	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 17"	107° 42' 10"					E-48-96-A-d
thôn 3	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 03"	107° 42' 39"					E-48-96-A-b
thôn 4	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 02"	107° 42' 39"					E-48-96-A-d
thôn 5	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 04"	107° 42' 59"					E-48-96-A-b
thôn 6	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 21' 56"	107° 42' 52"					E-48-96-A-d
thôn 7	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 25"	107° 42' 35"					E-48-96-A-d
thôn 8A	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 06"	107° 42' 59"					E-48-96-A-d
thôn 8B	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 15"	107° 43' 12"					E-48-96-A-d
thôn 9	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 18"	107° 43' 04"					E-48-96-A-d
thôn 10	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 32"	107° 44' 56"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 15	KX	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 23' 19"	107° 41' 02"	16° 17' 15"	107° 38' 13"	E-48-96-A-b, E-48-96-A-d
hồ Bàu Họ	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 23"	107° 42' 30"					E-48-96-A-b
Xóm Cống	DC	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 35"	107° 44' 29"					E-48-96-A-b
sông Đại Giang	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
dốc Đất Đỏ	SV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 21' 04"	107° 40' 43"					E-48-96-A-d
núi Ghích Dương	SV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 20' 25"	107° 40' 24"					E-48-96-A-d
hồ Khe Lời	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 20' 56"	107° 41' 44"					E-48-96-A-d
Sông Nông	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 15' 25"	107° 40' 57"	16° 22' 08"	107° 45' 17"	E-48-96-B-c, E-48-96-A-d
khu công nghiệp Phú Bài	KX	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 23' 21"	107° 41' 43"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Phù Bài	KX	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy	16° 22' 23"	107° 43' 16"					E-48-96-A-d
sông Phù Bài	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 21' 43"	107° 40' 02"	16° 23' 34"	107° 44' 33"	E-48-96-A-d, E-48-96-A-b
Khe Sòng	TV	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 19' 02"	107° 40' 51"	16° 20' 52"	107° 42' 54"	E-48-96-A-d
đường tránh phía Tây thành phố	KX	xã Thủy Phù	TX. Hương Thủy			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
đường tỉnh 3	KX	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
thôn Chiết Bi	DC	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 24' 30"	107° 42' 24"					E-48-96-A-b
sông Đại Giang	TV	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
thôn Hòa Phong	DC	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 24' 09"	107° 43' 18"					E-48-96-A-b
trạm K3	KX	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 24' 02"	107° 43' 24"					E-48-96-A-b
Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài	KX	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 24' 11"	107° 42' 05"					E-48-96-A-b
thôn Tân Tô	DC	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 24' 12"	107° 42' 56"					E-48-96-A-b
thôn Tô Đà 1	DC	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 23' 58"	107° 43' 29"					E-48-96-A-b
thôn Tô Đà 2	DC	xã Thủy Tân	TX. Hương Thủy	16° 23' 54"	107° 43' 11"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 3	KX	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
Sông Cùng	TV	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy			16° 28' 30"	107° 36' 20"	16° 28' 25"	107° 37' 50"	E-48-96-A-a
thôn Lang Xã Bàu	DC	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy	16° 27' 34"	107° 38' 59"					E-48-96-A-b
thôn Lang Xã Cồn	DC	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy	16° 27' 43"	107° 37' 6"					E-48-96-A-a
sông Như Ý	TV	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-b
thôn Thanh Thủy Chánh	DC	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy	16° 27' 54"	107° 38' 22"					E-48-96-A-b
thôn Vân Thê Đập	DC	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy	16° 28' 27"	107° 37' 37"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vân Thê Làng	DC	xã Thủy Thanh	TX. Hương Thủy	16° 28' 50"	107° 38' 54"					E-48-96-A-b
thôn Công Lương	DC	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy	16° 29' 22"	107° 36' 51"					E-48-96-A-a
Sông Cùng	TV	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy			16° 28' 30"	107° 36' 20"	16° 28' 25"	107° 37' 50"	E-48-96-A-a
thôn Giạ Lê	DC	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy	16° 29' 22"	107° 37' 35"					E-48-96-A-b
sông Như Ý	TV	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-a, E-48-96-A-b
thôn Vân Dương	DC	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy	16° 28' 29"	107° 37' 13"					E-48-96-A-a
thôn Xuân Hòa	DC	xã Thủy Vân	TX. Hương Thủy	16° 28' 53"	107° 36' 10"					E-48-96-A-a
quốc lộ 1A	KX	P. Hương An	TX. Hương Trà			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 29' 19"	107° 32' 23"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 57"	107° 32' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 30"	107° 31' 39"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 27"	107° 31' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 08"	107° 31' 05"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 38"	107° 30' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 28' 02"	107° 30' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 27' 23"	107° 31' 15"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 27' 07"	107° 31' 18"					E-48-96-A-a
sông Bạch Yến	TV	P. Hương An	TX. Hương Trà			16° 26' 26"	107° 30' 25"	16° 28' 30"	107° 33' 27"	E-48-96-A-a
sông Cổ Bưu	TV	P. Hương An	TX. Hương Trà			16° 29' 28"	107° 32' 11"	16° 27' 07"	107° 31' 33"	E-48-96-A-a
núi Nhã Nhạn	SV	P. Hương An	TX. Hương Trà	16° 26' 44"	107° 30' 30"					E-48-96-A-a
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Hương An	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-84-C-c, E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 30' 11"	107° 30' 58"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 49"	107° 30' 44"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 36"	107° 30' 55"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 28"	107° 30' 59"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 40"	107° 31' 48"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 17"	107° 31' 01"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 11"	107° 31' 06"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 01"	107° 30' 56"					E-48-96-A-a
đường tỉnh 8B	KX	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà			16° 29' 51"	107° 31' 34"	16° 31' 45"	107° 33' 44"	E-48-96-A-a, E-48-84-C-c
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 33"	107° 30' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 01"	107° 30' 11"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 29' 09"	107° 29' 46"					E-48-95-B
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 28' 55"	107° 29' 33"					E-48-95-B
núi Độn Thông	SV	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 27' 08"	107° 29' 07"					E-48-95-B
núi Hòn Vượn	SV	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 27' 13"	107° 28' 44"					E-48-95-B
hồ Thọ Sơn	TV	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà	16° 28' 23"	107° 28' 34"					E-48-95-B
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Hương Chữ	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a, E-48-95-B
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 18"	107° 32' 21"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 23"	107° 31' 57"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 08"	107° 32' 00"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 11"	107° 31' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 05"	107° 31' 42"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 23"	107° 31' 36"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 30"	107° 31' 57"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 36"	107° 31' 21"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 17"	107° 31' 33"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 11"	107° 31' 40"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 01"	107° 32' 02"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 43"	107° 33' 18"					E-48-96-A-a
đường tỉnh 12B	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 27' 44"	107° 34' 07"	16° 23' 27"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 51"	107° 30' 45"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 47"	107° 30' 19"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 29"	107° 28' 53"					E-48-95-B
sông Bạch Yến	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 26' 26"	107° 30' 25"	16° 28' 30"	107° 33' 27"	E-48-96-A-a
cầu Bản Ngọc Hồ	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 46"	107° 32' 38"					E-48-96-A-a
sông Cổ Bưu	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 29' 28"	107° 32' 11"	16° 27' 07"	107° 31' 33"	E-48-96-A-a
khe Đá Mài	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 26' 01"	107° 28' 10"	16° 26' 26"	107° 30' 25"	E-48-95-B, E-48-96-A-a
núi Độn Thông	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 08"	107° 29' 07"					E-48-95-B
hòn Động Kiều	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 30"	107° 32' 58"					E-48-96-A-a
núi Động Ngang	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 23"	107° 28' 06"					E-48-95-B
đồi Đức Mẹ	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 24' 27"	107° 31' 52"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hòn Vượn	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 13"	107° 28' 44"					E-48-95-B
Sông Hương	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
niệm phật đường Hương Vân	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 03"	107° 31' 49"					E-48-96-A-a
vườn rừng Huyền Không Sơn Thượng	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 07"	107° 29' 31"					E-48-95-B
hồ Khe Ngang	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 49"	107° 30' 01"					E-48-95-B, E-48-96-A-a
hồ Khe Nước	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 31"	107° 31' 50"					E-48-96-A-a
núi Kỳ Nam	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 25' 54"	107° 28' 59"					E-48-95-B
cầu Long Hồ	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 27' 00"	107° 31' 42"					E-48-96-A-a
Khe Ly	TV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 24' 04"	107° 32' 08"	16° 25' 15"	107° 33' 37"	E-48-96-A-a
núi Nhã Nhạn	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 44"	107° 30' 30"					E-48-96-A-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Tiền Phong	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 24' 16"	107° 30' 25"					E-48-95-B
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
núi Xước Dũ	SV	P. Hương Hồ	TX. Hương Trà	16° 26' 44"	107° 31' 04"					E-48-96-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 32' 11"	107° 26' 51"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 31' 52"	107° 26' 41"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 31' 36"	107° 26' 37"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 31' 07"	107° 26' 44"					E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 30' 47"	107° 26' 52"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 30' 17"	107° 27' 37"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 30' 26"	107° 27' 25"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 30' 33"	107° 26' 17"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 30' 08"	107° 26' 11"					E-48-95-B
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 29' 45"	107° 26' 07"					E-48-95-B
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 29' 35"	107° 26' 23"					E-48-95-B
Sông Bồ	TV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-B, E-48-83-D-d
núi Cây Mao	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 28' 56"	107° 26' 34"					E-48-95-B
chùa Châu Hoằng	KX	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 29' 38"	107° 27' 04"					E-48-95-B
Núi Gió	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 26' 27"	107° 25' 47"					E-48-95-B
suối Khe Băng	TV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà			16° 27' 22"	107° 27' 47"	16° 28' 44"	107° 26' 19"	E-48-95-B
núi Khe Thai	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 25' 34"	107° 24' 27"					E-48-95-B
suối Khe Trái	TV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà			16° 22' 58"	107° 26' 08"	16° 25' 49"	107° 24' 10"	E-48-95-B
Khe Nức	TV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà			16° 23' 37"	107° 24' 03"	16° 25' 16"	107° 23' 09"	E-48-95-B
núi Thế Đại	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 28' 22"	107° 27' 22"					E-48-95-B
núi Thông Cùng	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 27' 29"	107° 26' 33"					E-48-95-B
Khe Tòng	TV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà			16° 22' 13"	107° 23' 15"	16° 24' 09"	107° 21' 50"	E-48-95-B
Núi Trai	SV	P. Hương Vân	TX. Hương Trà	16° 25' 54"	107° 25' 54"					E-48-95-B
quốc lộ 1A	KX	P. Hương Văn	TX. Hương Trà			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-d, E-48-84-C-c
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 30' 45"	107° 29' 48"					E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 31' 04"	107° 29' 28"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 31' 17"	107° 29' 25"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 31' 24"	107° 29' 03"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 30' 49"	107° 28' 38"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 30' 25"	107° 28' 55"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 30' 14"	107° 29' 22"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 43"	107° 29' 16"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 56"	107° 28' 48"					E-48-95-B
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 46"	107° 28' 14"					E-48-95-B
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 59"	107° 27' 54"					E-48-95-B
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 53"	107° 28' 29"					E-48-95-B
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 29' 25"	107° 28' 34"					E-48-95-B
Sông Bồ	TV	P. Hương Văn	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-83-D-d
bến đò Hạ Lang	KX	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 31' 33"	107° 29' 22"					E-48-83-D-d
núi Thế Đại	SV	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 28' 22"	107° 27' 22"					E-48-95-B
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Hương Văn	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-83-D-d, E-48-95-B
khu vực Văn Xá Đông	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 31' 12"	107° 29' 07"					E-48-83-D-d
khu vực Văn Xá Tây	DC	P. Hương Văn	TX. Hương Trà	16° 30' 45"	107° 29' 19"					E-48-83-D-d
quốc lộ 1A	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-84-C-c
tổ dân phố 1	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 29' 28"	107° 29' 09"					E-48-95-B
tổ dân phố 2	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 29' 10"	107° 29' 18"					E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 29' 37"	107° 29' 22"					E-48-95-B
tổ dân phố 4	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 29' 57"	107° 29' 55"					E-48-95-B
tổ dân phố 5	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 29' 40"	107° 31' 48"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 6	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 30' 22"	E-48-95-B					E-48-84-C-c
tổ dân phố 7	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 30' 56"	107° 30' 43"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 8	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 01"	107° 30' 33"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 8A	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà			16° 30' 28"	107° 30' 20"	16° 31' 44"	107° 31' 24"	E-48-84-C-c
tổ dân phố 9	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 05"	107° 30' 18"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 10	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 02"	107° 30' 15"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 11	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 16"	107° 29' 44"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 12	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 42"	107° 29' 56"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 13	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 55"	107° 30' 16"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 14	DC	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 29"	107° 30' 20"					E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c, E-48-83-D-d
cầu Lố Ô	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 28' 15"	107° 27' 55"					E-48-95-B
cầu Thanh Lương	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 31' 04"	107° 30' 38"					E-48-84-C-c
núi Thế Đại	SV	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 28' 22"	107° 27' 22"					E-48-95-B
đập Thọ Sơn	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 28' 36"	107° 28' 28"					E-48-95-B
hồ Thọ Sơn	TV	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà	16° 28' 23"	107° 28' 34"					E-48-95-B
đường tránh phía Tây thành phố	KX	P. Hương Xuân	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-95-B
quốc lộ 1A	KX	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 00"	107° 27' 12"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 2	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 36"	107° 27' 13"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 3	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 41"	107° 27' 31"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 4	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 22"	107° 27' 53"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 5	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 12"	107° 28' 01"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 6	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 55"	107° 28' 12"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 7	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 41"	107° 28' 24"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 8	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 22"	107° 28' 45"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 9	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 25"	107° 28' 25"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 10	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 07"	107° 28' 13"					E-48-83-D-d
tổ dân phố 11	DC	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 30' 45"	107° 28' 05"					E-48-83-D-d
cầu An Lỗ	KX	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 42"	107° 27' 13"					E-48-83-D-d
Sông Bồ	TV	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-83-D-d
Trạm Biến thế Hương Trà 35 KV	KX	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 31' 05"	107° 28' 15"					E-48-83-D-d
đình làng Phú Ốc	KX	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 32' 31"	107° 27' 46"					E-48-83-D-d
Nhà máy Xi măng Kim Đỉnh	KX	P. Tứ Hạ	TX. Hương Trà	16° 30' 31"	107° 27' 55"					E-48-83-D-d
quốc lộ 49A	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-c, E-48-95-B
núi A Dó	SV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 17' 22"	107° 24' 55"					E-48-95-B
núi A La	SV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 44"	107° 20' 28"					E-48-95-B
cầu Bình Điền	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 09"	107° 30' 12"					E-48-96-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trại giam Bình Điền	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 46"	107° 28' 58"					E-48-95-B
thôn Bình Lộc	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 33"	107° 29' 26"					E-48-95-B
thôn Bình Lợi	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 04"	107° 30' 11"					E-48-96-A-c
thôn Bình Thuận	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 10"	107° 28' 54"					E-48-95-B
Sông Bồ	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-B
khe Cù Mông	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 18' 08"	107° 24' 53"	16° 18' 56"	107° 30' 08"	E-48-96-A-c; E-48-95-B
núi Cù Mông	SV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 18' 16"	107° 24' 47"					E-48-95-B
thôn Điền Lợi	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 50"	107° 30' 08"					E-48-96-A-c
Khe Điêng	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 26' 57"	107° 26' 32"	16° 21' 04"	107° 30' 31"	E-48-96-A-c; E-48-95-B
thôn Đông Hòa	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 29"	107° 29' 48"					E-48-95-B
sông Hữu Trạch	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-96-A-c; E-48-95-B
cầu Khe Lội	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 01"	107° 25' 21"					E-48-95-B
đèo Kim Quy	SV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 19' 07"	107° 23' 59"					E-48-95-B
Khe Lác	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 15' 58"	107° 24' 20"	16° 15' 22"	107° 26' 55"	E-48-95-B
Suối Máu	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 18' 24"	107° 24' 47"	16° 22' 58"	107° 26' 08"	E-48-95-B
khe Mỏ Cáo	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 20' 32"	107° 28' 12"	16° 20' 04"	107° 29' 53"	E-48-95-B
thôn Phú Điền	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 22"	107° 29' 53"					E-48-95-B
khe Rao Lác	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 14' 23"	107° 26' 23"	16° 16' 12"	107° 29' 43"	E-48-95-B
sông Rào Lu	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 21' 32"	107° 17' 37"	16° 22' 53"	107° 20' 49"	E-48-95-B
núi Sơn Đào	SV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 23' 13"	107° 30' 51"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Suối Máu	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 18"	107° 25' 47"					E-48-95-B
thôn Thuận Điền	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 20' 57"	107° 29' 38"					E-48-95-B
Công trình Thủy điện Bình Điền	KX	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 19' 03"	107° 30' 01"					E-48-96-A-c
Khe Tòng	TV	xã Bình Điền	TX. Hương Trà			16° 22' 13"	107° 23' 15"	16° 24' 09"	107° 21' 50"	E-48-95-B
thôn Vinh An	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 38"	107° 29' 26"					E-48-95-B
thôn Vinh Điền	DC	xã Bình Điền	TX. Hương Trà	16° 21' 09"	107° 29' 31"					E-48-95-B
quốc lộ 49A	KX	xã Bình Thành	TX. Hương Trà			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-c
thôn Bình Dương	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 20' 46"	107° 30' 58"					E-48-96-A-c
thôn Bình Tân	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 46"	107° 31' 56"					E-48-96-A-c
cầu treo Bình Thành	KX	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 30"	107° 31' 15"					E-48-96-A-c
hồ Bình Thành	TV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 20' 32"	107° 31' 27"					E-48-96-A-a
thôn Bồ Hòn	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 20' 08"	107° 30' 22"					E-48-96-A-c
núi Chúc Mao	SV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 17' 29"	107° 29' 09"					E-48-95-B
khe Cù Mông	TV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà			16° 18' 08"	107° 24' 53"	16° 18' 56"	107° 30' 08"	E-48-96-A-c; E-48-95-B
Khe Đầy	TV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà			16° 18' 13"	107° 33' 04"	16° 21' 43"	107° 33' 07"	E-48-96-A-a
thôn Hiệp Hòa	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 20' 41"	107° 30' 24"					E-48-96-A-c
thôn Hiệp Lại	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 16"	107° 31' 39"					E-48-96-A-c
thôn Hòa Bình	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 20' 37"	107° 30' 37"					E-48-96-A-c
thôn Hòa Cát	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 04"	107° 31' 47"					E-48-96-A-c
thôn Hòa Thành	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 02"	107° 31' 59"					E-48-96-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hữu Trạch	TV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-96-A-c; E-48-95-B
núi Kim Phụng	SV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 23' 29"	107° 32' 01"					E-48-96-A-a
thôn Phú Tuyên	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 01"	107° 31' 04"					E-48-96-A-c
khe Rao Lác	TV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà			16° 14' 23"	107° 26' 23"	16° 16' 12"	107° 29' 43"	E-48-95-B
núi Sơn Đào	SV	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 23' 12"	107° 30' 51"					E-48-96-A-a
thôn Tam Hiệp	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 09"	107° 31' 33"					E-48-96-A-c
thôn Thọ Bình	DC	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 53"	107° 32' 01"					E-48-96-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong	KX	xã Bình Thành	TX. Hương Trà	16° 21' 50"	107° 31' 11"					E-48-96-A-c
quốc lộ 49B	KX	xã Hải Dương	TX. Hương Trà			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-c
Đồn Biên phòng Bờ Bắc	KX	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 01"	107° 37' 09"					E-48-84-C-c
cầu Tam Giang	KX	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 56"	107° 35' 19"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn Thái Dương Hạ 1	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 38"	107° 36' 30"					E-48-84-C-c
thôn Thái Dương Hạ 2	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 27"	107° 36' 44"					E-48-84-C-c
thôn Thái Dương Hạ 3	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 07"	107° 37' 07"					E-48-84-C-c
thôn Thái Dương Thượng 1	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 56"	107° 35' 48"					E-48-84-C-c
thôn Thái Dương Thượng 2	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 14"	107° 36' 13"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cửa Thuận An	TV	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 34' 25"	107° 37' 10"					E-48-84-C-c
chùa Vĩnh Trị	KX	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 35' 35"	107° 34' 45"					E-48-84-C-c
thôn Vĩnh Trị	DC	xã Hải Dương	TX. Hương Trà	16° 35' 47"	107° 34' 29"					E-48-84-C-c
thôn 1	DC	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà	16° 21' 18"	107° 26' 55"					E-48-95-B
thôn 2	DC	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà	16° 21' 07"	107° 26' 41"					E-48-95-B
thôn 3	DC	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà	16° 20' 31"	107° 26' 16"					E-48-95-B
thôn 4	DC	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà	16° 20' 39"	107° 25' 54"					E-48-95-B
quốc lộ 49A	KX	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-B
suối Khe Trái	TV	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà			16° 22' 58"	107° 26' 08"	16° 25' 49"	107° 24' 10"	E-48-95-B
Suối Máu	TV	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà			16° 18' 24"	107° 24' 47"	16° 22' 58"	107° 26' 08"	E-48-95-B
suối Ngọc Kê Trai	TV	xã Hồng Tiến	TX. Hương Trà			16° 19' 41"	107° 26' 31"	16° 22' 58"	107° 26' 08"	E-48-95-B
thôn Bình Dương	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 23' 39"	107° 28' 4"					E-48-95-B
thôn Bình Toàn	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 24' 34"	107° 28' 16"					E-48-95-B
Khe Điêng	TV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà			16° 26' 57"	107° 26' 32"	16° 21' 4"	107° 30' 31"	E-48-95-B
núi Động Ngang	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 26' 23"	107° 28' 6"					E-48-95-B
Núi Gió	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 26' 27"	107° 25' 47"					E-48-95-B
thôn Hải Tân	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 23' 50"	107° 28' 42"					E-48-95-B
núi Hòn Vượn	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 27' 13"	107° 28' 44"					E-48-95-B
thôn Hương Lộc	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 23' 3"	107° 29' 7"					E-48-95-B
thôn Hương Quang	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 22' 50"	107° 29' 22"					E-48-95-B
thôn Hương Sơn	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 25' 24"	107° 27' 51"					E-48-95-B
cầu Khe Băng	KX	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 27' 33"	107° 27' 25"					E-48-95-B
suối Khe Băng	TV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà			16° 27' 22"	107° 27' 47"	16° 28' 44"	107° 26' 19"	E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khe Điền 3	KX	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 25' 57"	107° 26' 49"					E-48-95-B
cầu Khe Điền 4	KX	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 26' 16"	107° 26' 40"					E-48-95-B
núi Sơn Đào	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 23' 12"	107° 30' 51"					E-48-96-A-a
thôn Tân Phong	DC	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 23' 20"	107° 28' 56"					E-48-95-B
núi Thông Cùng	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 27' 29"	107° 26' 33"					E-48-95-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong	KX	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 24' 16"	107° 30' 25"					E-48-95-B
Núi Trai	SV	xã Hương Bình	TX. Hương Trà	16° 25' 54"	107° 25' 54"					E-48-95-B
thôn An Lai	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 33' 32"	107° 35' 02"					E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	xã Hương Phong	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
Đồn Biên phòng Cồn Tè	KX	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 33' 34"	107° 37' 12"					E-48-84-C-c
Sông Hương	TV	xã Hương Phong	TX. Hương Trà			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-84-C-c
sông Kim Đôi	TV	xã Hương Phong	TX. Hương Trà			16° 34' 24"	107° 34' 30"	16° 31' 51"	107° 34' 11"	E-48-84-C-c
cầu Tam Giang	KX	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 34' 56"	107° 35' 19"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-c-c
thôn Thanh Phước	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 31' 53"	107° 34' 21"					E-48-84-C-c
đập Thảo Long	KX	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 32' 47"	107° 36' 54"					E-48-84-C-c
thôn Thuận Hòa	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 33' 09"	107° 36' 11"					E-48-84-C-c
thôn Tiền Thành	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 32' 57"	107° 34' 32"					E-48-84-C-c
thôn Vân Quật Đông	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 33' 52"	107° 35' 22"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vân Quật Thượng	DC	xã Hương Phong	TX. Hương Trà	16° 33' 11"	107° 34' 38"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 12B	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 27' 44"	107° 34' 07"	16° 23' 27"	107° 33' 53"	E-48-96-A-a
quốc lộ 49A	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-a, E-48-96-A-c
Khe Cáy	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 20' 11"	107° 34' 02"	16° 21' 42"	107° 33' 12"	E-48-96-A-c
Khe Đầy	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 18' 13"	107° 33' 04"	16° 21' 43"	107° 33' 07"	E-48-96-A-c
thôn Đình Môn	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 19"	107° 36' 04"					E-48-96-A-c
hòn Động Kiều	SV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 25' 26"	107° 33' 05"					E-48-96-A-a
Núi Gáy	SV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 20' 48"	107° 34' 05"					E-48-96-A-c
lăng Gia Long	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 21' 47"	107° 35' 42"					E-48-96-A-c
thôn Hải Cát 1	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 24' 52"	107° 33' 37"					E-48-96-A-a
thôn Hải Cát 2	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 24' 07"	107° 34' 08"					E-48-96-A-a
điện Hòn Chén	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 25' 22"	107° 33' 39"					E-48-96-A-a
núi Hòn Voi	SV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 58"	107° 32' 35"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a
sông Hữu Trạch	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-96-A-c, E-48-96-A-a
Khe Kê	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 21' 19"	107° 35' 12"	16° 22' 38"	107° 35' 24"	E-48-96-A-c
thôn Kim Ngọc	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 36"	107° 35' 24"					E-48-96-A-a
núi Kim Phụng	SV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 23' 29"	107° 32' 01"					E-48-96-A-a
thôn La Khê Bãi	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 23' 34"	107° 34' 20"					E-48-96-A-a
thôn La Khê Trẹm	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 23' 16"	107° 34' 27"					E-48-96-A-a
thôn Liên Bằng	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 23' 05"	107° 33' 59"					E-48-96-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Ly	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 24' 04"	107° 32' 08"	16° 25' 15"	107° 33' 37"	E-48-96-A-a
lăng Minh Mạng	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 23' 20"	107° 33' 55"					E-48-96-A-a
lăng Sở Gia	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 11"	107° 35' 41"					E-48-96-A-c
lăng Sở Thoại	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 11"	107° 35' 52"					E-48-96-A-c
hồ Sơn Thọ	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 21' 06"	107° 35' 11"					E-48-96-A-c
thôn Sơn Thọ	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 21' 34"	107° 35' 05"					E-48-96-A-c
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-A-c, E-48-96-A-a
thôn Thạch Hàn	DC	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 22' 40"	107° 34' 02"					E-48-96-A-a
Bến Than	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 25' 19"	107° 33' 42"					E-48-96-A-a
Khe Thương	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 23' 06"	107° 32' 55"	16° 24' 26"	107° 33' 57"	E-48-96-A-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà	16° 24' 16"	107° 30' 25"					E-48-96-A-a
đường tránh phía Tây thành phố	KX	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 31' 14"	107° 28' 54"	16° 23' 09"	107° 42' 24"	E-48-96-A-a
Khe Trầu	TV	xã Hương Thọ	TX. Hương Trà			16° 20' 10"	107° 35' 12"	16° 21' 15"	107° 36' 23"	E-48-96-A-c
đường tỉnh 8B	KX	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà			16° 29' 51"	107° 31' 34"	16° 31' 45"	107° 33' 44"	E-48-84-C-c
thôn An Thuận	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 40"	107° 32' 01"					E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
thôn Cổ Lão	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 21"	107° 31' 29"					E-48-84-C-c
thôn Dương Sơn	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 31"	107° 31' 14"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giáp Đông	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 10"	107° 32' 14"					E-48-84-C-c
thôn Giáp Kiền	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 06"	107° 31' 46"					E-48-84-C-c
thôn Giáp Tây	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 42"	107° 31' 54"					E-48-84-C-c
thôn Giáp Thượng	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 18"	107° 31' 05"					E-48-84-C-c
thôn Giáp Trung	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 57"	107° 32' 11"					E-48-84-C-c
chùa Hương Cần	KX	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 48"	107° 32' 04"					E-48-84-C-c
thôn Liễu Cốc Hạ	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 47"	107° 31' 35"					E-48-84-C-c
thôn Nam Thanh	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 28"	107° 33' 12"					E-48-84-C-c
thôn Triều Sơn Trung	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 30' 31"	107° 32' 43"					E-48-84-C-c
thôn Vân Cù	DC	xã Hương Toàn	TX. Hương Trà	16° 31' 55"	107° 32' 43"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 4	KX	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c, E-48-96-A-a
đường tỉnh 8B	KX	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà			16° 29' 51"	107° 31' 34"	16° 31' 45"	107° 33' 44"	E-48-84-C-c
đội 12B	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 43"	107° 33' 18"					E-48-84-C-c
bến đò Bao Vinh	KX	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 29' 57"	107° 34' 26"					E-48-96-A-a
thôn Bao Vinh	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 29' 55"	107° 34' 23"					E-48-96-A-a
Sông Bồ	TV	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
Sông Đào	TV	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-96-A-a
thôn Địa Linh	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 09"	107° 34' 10"					E-48-84-C-c
Sông Hương	TV	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-96-A-a, E-48-84-C-c
thôn La Khê	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 17"	107° 34' 21"					E-48-84-C-c
Cồn Lớn	TV	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 53"	107° 34' 29"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Minh Thanh	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 34"	107° 34' 14"					E-48-84-C-c
thôn Thế Lại	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 29' 30"	107° 34' 10"					E-48-96-A-a
thôn Thủy Phú	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 31' 44"	107° 34' 11"					E-48-84-C-c
thôn Triều Sơn Đông	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 31' 11"	107° 34' 11"					E-48-84-C-c
thôn Triều Sơn Nam	DC	xã Hương Vinh	TX. Hương Trà	16° 30' 47"	107° 34' 13"					E-48-84-C-c
tổ dân phố 1	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 17' 02"	107° 13' 20"					E-48-95-A
tổ dân phố 2	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 50"	107° 13' 31"					E-48-95-A
tổ dân phố 3	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 21"	107° 13' 11"					E-48-95-A
tổ dân phố 4	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 28"	107° 13' 47"					E-48-95-A
tổ dân phố 5	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 15"	107° 13' 43"					E-48-95-A
tổ dân phố 6	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 10"	107° 13' 57"					E-48-95-A
tổ dân phố 7	DC	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 16' 02"	107° 13' 41"					E-48-95-A
núi A Lau	SV	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 18' 18"	107° 14' 48"					E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. A Lưới	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
suối Ra Ho	TV	TT. A Lưới	H. A Lưới			16° 17' 29"	107° 14' 42"	16° 16' 10"	107° 12' 54"	E-48-95-A
suối Tà Rê	TV	TT. A Lưới	H. A Lưới			16° 17' 29"	107° 14' 13"	16° 16' 39"	107° 13' 22"	E-48-95-A
sông Ta Rênh	TV	TT. A Lưới	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-A
Núi Va	SV	TT. A Lưới	H. A Lưới	16° 18' 40"	107° 13' 26"					E-48-95-A
thôn A Đớt	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 51"	107° 21' 16"					E-48-95-D
thôn A Ró	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 24"	107° 21' 46"					E-48-95-D
thôn A Tin	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 04' 34"	107° 21' 53"					E-48-95-D
đèo Ba Lạch	SV	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 04' 04"	107° 22' 12"					E-48-95-D
núi Ba Lạch	SV	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 03' 22"	107° 19' 55"					E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ba Lạch	TV	xã A Đớt	H. A Lưới			16° 03' 49"	107° 20' 54"	16° 05' 27"	107° 21' 31"	E-48-95-D
thôn Ba Rít	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 22"	107° 21' 23"					E-48-95-D
núi Bơ Roóc	SV	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 04' 21"	107° 22' 21"					E-48-95-D
thôn Ca Vin	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 09"	107° 21' 31"					E-48-95-D
thôn Chi Hóa	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 04' 30"	107° 21' 11"					E-48-95-D
thôn Chi Lanh	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 22"	107° 21' 34"					E-48-95-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã A Đớt	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-D
suối La Tinh	TV	xã A Đớt	H. A Lưới			16° 03' 41"	107° 19' 46"	16° 06' 29"	107° 21' 06"	E-48-95-D
thôn La Tưng	DC	xã A Đớt	H. A Lưới	16° 05' 07"	107° 20' 42"					E-48-95-D
suối Tam Lanh	TV	xã A Đớt	H. A Lưới			16° 04' 20"	107° 19' 06"	16° 07' 03"	107° 20' 29"	E-48-95-D
thôn 1	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 27"	107° 14' 04"					E-48-95-A
thôn 2	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 16' 03"	107° 14' 15"					E-48-95-A
thôn A Diên	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 16"	107° 14' 52"					E-48-95-A
thôn A Ngo	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 42"	107° 14' 18"					E-48-95-A
Khe Cốp	TV	xã A Ngo	H. A Lưới			16° 16' 49"	107° 15' 16"	16° 16' 01"	107° 17' 19"	E-48-95-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã A Ngo	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
thôn Hợp Thành	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 23"	107° 14' 33"					E-48-95-A
thôn Pơ Nghi 1	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 51"	107° 14' 19"					E-48-95-A
thôn Pơ Nghi 2	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 43"	107° 14' 24"					E-48-95-A
thôn Quảng Mai	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 11"	107° 14' 48"					E-48-95-A
thôn Ta Roi	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 31"	107° 14' 35"					E-48-95-A
núi Ta Téc	SV	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 17' 10"	107° 15' 39"					E-48-95-B
thôn Vân Trình	DC	xã A Ngo	H. A Lưới	16° 15' 35"	107° 14' 22"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối A Bung	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 07' 36"	107° 25' 36"	16° 08' 48"	107° 26' 00"	E-48-95-D
thôn A Ca 2	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 05"	107° 23' 15"					E-48-95-D
thôn A Ca 3	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 29"	107° 23' 10"					E-48-95-D
thôn A Ho	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 07' 04"	107° 24' 03"					E-48-95-D
núi A Linh	SV	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 07' 39"	107° 24' 35"					E-48-95-D
thôn A Min 1	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 55"	107° 24' 05"					E-48-95-D
thôn A Min 2	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 36"	107° 23' 60"					E-48-95-D
đèo A Năm	SV	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 09"	107° 21' 52"					E-48-95-D
suối A Rai	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 09' 14"	107° 25' 01"	16° 09' 34"	107° 26' 19"	E-48-95-D
thôn A Roàng 1	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 52"	107° 23' 42"					E-48-95-D
thôn A Roàng 2	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 07' 01"	107° 23' 29"					E-48-95-D
thôn A Roàng 3	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 38"	107° 23' 34"					E-48-95-D
suối Ba Nghe	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 05' 02"	107° 24' 07"	16° 06' 21"	107° 23' 12"	E-48-95-D
Sông Bồ	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-D
thôn Ca Lô	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 40"	107° 23' 15"					E-48-95-D
suối Ca Nôn	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 07' 02"	107° 21' 51"	16° 08' 24"	107° 19' 51"	E-48-95-D
thôn Ca Rôn	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 07' 12"	107° 23' 54"					E-48-95-D
thôn Ca Run	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 19"	107° 22' 36"					E-48-95-D
thôn Hương Sơn	DC	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 05' 29"	107° 23' 03"					E-48-95-D
suối Mơ Rung	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 07' 16"	107° 22' 06"	16° 07' 20"	107° 23' 43"	E-48-95-D
Núi Ong	SV	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 09' 39"	107° 24' 59"					E-48-95-D
suối Pi Lung	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 04' 39"	107° 24' 01"	16° 07' 08"	107° 23' 43"	E-48-95-D
suối Pờ Roóc	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 05' 10"	107° 22' 30"	16° 05' 26"	107° 22' 59"	E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối San	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 05' 13"	107° 26' 20"	16° 06' 13"	107° 25' 21"	E-48-95-D
suối Ta Lao	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 08' 08"	107° 24' 40"	16° 08' 41"	107° 23' 46"	E-48-95-D
núi Tre Giồng	SV	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 52"	107° 25' 60"					E-48-95-D
Núi Xanh	SV	xã A Roàng	H. A Lưới	16° 06' 32"	107° 21' 36"					E-48-95-D
Sông Xanh	TV	xã A Roàng	H. A Lưới			16° 06' 13"	107° 25' 21"	16° 07' 08"	107° 23' 43"	E-48-95-D
thôn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 18' 49"	107° 11' 22"					E-48-95-A
thôn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 18' 41"	107° 11' 26"					E-48-95-A
thôn 3	DC	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 19' 03"	107° 11' 04"					E-48-95-A
thôn 4	DC	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 18' 54"	107° 11' 09"					E-48-95-A
dãy núi A Túc	SV	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 17' 46"	107° 11' 14"					E-48-95-A
núi A Túc	SV	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 18' 06"	107° 10' 22"					E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Bắc Sơn	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
cầu Pa Liang	KX	xã Bắc Sơn	H. A Lưới	16° 18' 52"	107° 11' 15"					E-48-95-A
suối Pa Liang	TV	xã Bắc Sơn	H. A Lưới			16° 20' 08"	107° 11' 43"	16° 18' 35"	107° 11' 20"	E-48-95-A
sông Ta Rênh	TV	xã Bắc Sơn	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-A
suối A Páo	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 05' 25"	107° 18' 19"	16° 07' 01"	107° 19' 08"	E-48-95-D
thôn A Sam	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 55"	107° 19' 49"					E-48-95-D
cầu A Sáp	KX	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 07' 53"	107° 19' 58"					E-48-95-D
sông A Sáp	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-D
núi A So	SV	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 04' 36"	107° 18' 59"					E-48-95-D
Thôn Chai	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 40"	107° 19' 15"					E-48-95-D
Núi Cọp	SV	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 14"	107° 17' 32"					E-48-95-D
Thôn Lóa	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 42"	107° 19' 45"					E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pa Re	SV	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 07' 03"	107° 17' 17"					E-48-95-D
suối Pa Re	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 08' 00"	107° 19' 36"	16° 09' 01"	107° 19' 27"	E-48-95-D
Núi Pình	SV	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 04' 45"	107° 18' 44"					E-48-95-D
thôn Rmôm	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 26"	107° 19' 40"					E-48-95-D
suối Ta Hàm	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 06' 28"	107° 17' 32"	16° 07' 32"	107° 18' 17"	E-48-95-D
suối Ta Hàm 2	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 07' 32"	107° 18' 17"	16° 08' 28"	107° 18' 36"	E-48-95-D
thôn Ta Vai	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 58"	107° 19' 24"					E-48-95-D
suối Tam Lanh	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 04' 20"	107° 19' 06"	16° 07' 03"	107° 20' 29"	E-48-95-D
Suối Trai	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 06' 22"	107° 17' 37"	16° 07' 48"	107° 19' 57"	E-48-95-D
Suối Trệt	TV	xã Đông Sơn	H. A Lưới			16° 04' 56"	107° 18' 49"	16° 07' 45"	107° 19' 58"	E-48-95-D
Thôn Tru	DC	xã Đông Sơn	H. A Lưới	16° 06' 50"	107° 19' 16"					E-48-95-D
suối A Bía	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 14' 40"	107° 10' 12"	16° 14' 09"	107° 09' 03"	E-48-95-C
sông A Linh	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 16' 42"	107° 11' 20"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-A, E-48-95-C
suối A Ninh	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 16' 59"	107° 12' 11"	16° 16' 28"	107° 12' 33"	E-48-95-A
thôn A Ninh	DC	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 43"	107° 11' 53"					E-48-95-A
đồi A Pung	SV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 05"	107° 11' 52"					E-48-95-A
thôn A Rưm	DC	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 48"	107° 11' 34"					E-48-95-A
thôn A Sóc	DC	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 08"	107° 12' 31"					E-48-95-A
suối A Ta	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 15' 44"	107° 11' 07"	16° 16' 42"	107° 11' 20"	E-48-95-A
dãy núi A Túc	SV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 17' 46"	107° 11' 14"					E-48-95-A
núi A Túc	SV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 18' 06"	107° 10' 22"					E-48-95-A
suối A Tung	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 17' 03"	107° 08' 53"	16° 16' 52"	107° 08' 40"	E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ra Lốc	TV	xã Hồng Bắc	H. A Lưới			16° 15' 31"	107° 10' 27"	16° 16' 19"	107° 08' 56"	E-48-95-A
thôn Ra Lốc 1	DC	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 37"	107° 12' 16"					E-48-95-A
thôn Ra Lốc 2	DC	xã Hồng Bắc	H. A Lưới	16° 16' 45"	107° 12' 17"					E-48-95-A
quốc lộ 49A	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-B
cầu A Á	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 55"	107° 18' 52"					E-48-95-B
suối A Á	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 15' 08"	107° 19' 12"	16° 18' 08"	107° 20' 12"	E-48-95-B
núi A La	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 20' 44"	107° 20' 28"					E-48-95-B
thôn A Rom	DC	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 17"	107° 21' 38"					E-48-95-B
núi A Sic	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 15' 36"	107° 20' 00"					E-48-95-B
suối A Sôm	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 17' 30"	107° 16' 26"	16° 18' 01"	107° 18' 20"	E-48-95-B
núi Âm Loa	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 18' 52"	107° 16' 49"					E-48-95-B
Sông Bồ	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-B
cầu Ca Piau	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 34"	107° 17' 51"					E-48-95-B
suối Ca Ta	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 20' 03"	107° 19' 41"	16° 18' 07"	107° 21' 19"	E-48-95-B
thôn Căn Sâm	DC	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 57"	107° 20' 49"					E-48-95-B
thôn Căn Tôm	DC	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 57"	107° 18' 60"					E-48-95-B
suối Ghi Da	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 18' 08"	107° 20' 12"	16° 18' 11"	107° 21' 32"	E-48-95-B
đồi Kim Quy	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 51"	107° 22' 23"					E-48-95-B
thôn Pa Hy	DC	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 18' 09"	107° 20' 05"					E-48-95-B
cầu Pa La	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 34"	107° 18' 05"					E-48-95-B
cầu Pa Le	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 18' 03"	107° 19' 22"					E-48-95-B
suối Pa Le	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 19' 02"	107° 16' 09"	16° 17' 57"	107° 19' 22"	E-48-95-B
khe Pa Linh	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 15' 57"	107° 19' 09"	16° 17' 53"	107° 19' 22"	E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Pi Lo	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 16' 21"	107° 20' 43"	16° 17' 06"	107° 21' 42"	E-48-95-B
núi Pi Lo	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 21"	107° 20' 44"					E-48-95-B
thôn Poi Rinh	DC	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 34"	107° 21' 23"					E-48-95-B
sông Rào Lu	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 21' 32"	107° 17' 37"	16° 22' 53"	107° 20' 49"	E-48-95-B
núi Rơ Lau	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 18' 18"	107° 14' 48"					E-48-95-A
đèo Tà Lương	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 32"	107° 22' 33"					E-48-95-B
suối Tà Rờm	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 21' 23"	107° 15' 47"	16° 21' 32"	107° 17' 37"	E-48-95-B
núi Ta Téc	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 10"	107° 15' 39"					E-48-95-B
núi Tam Hanh	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 22' 51"	107° 16' 51"					E-48-95-B
Cầu Thu	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 56"	107° 20' 41"					E-48-95-B
Khe Thu	TV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới			16° 17' 00"	107° 20' 21"	16° 18' 01"	107° 20' 52"	E-48-95-B
Nhà máy Thủy điện A Lưới	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 24"	107° 21' 28"					E-48-95-B
cầu Ưng Hoong	KX	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 17' 25"	107° 21' 32"					E-48-95-B
núi Va Vo	SV	xã Hồng Hạ	H. A Lưới	16° 20' 57"	107° 17' 25"					E-48-95-B
thôn 1	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 17' 16"	107° 12' 42"					E-48-95-A
thôn 2	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 17' 25"	107° 13' 01"					E-48-95-A
thôn 3	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 17' 37"	107° 12' 59"					E-48-95-A
thôn 4	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 17' 50"	107° 12' 58"					E-48-95-A
thôn 5	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 17' 55"	107° 12' 40"					E-48-95-A
suối A Cuột	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 19' 01"	107° 14' 43"	16° 19' 46"	107° 14' 35"	E-48-95-A
núi A Lau	SV	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 18' 18"	107° 14' 48"					E-48-95-A
núi A Ló	SV	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 20' 28"	107° 12' 51"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối A Nô	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 19' 09"	107° 12' 46"	16° 17' 44"	107° 12' 26"	E-48-95-A
suối Âm Ploa	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 19' 57"	107° 13' 24"	16° 21' 23"	107° 15' 47"	E-48-95-A, E-48-95-B
thôn Đụt 3	DC	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 18' 24"	107° 12' 01"					E-48-95-A
Suối Hênh	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 21' 36"	107° 14' 20"	16° 21' 23"	107° 15' 47"	E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A, E-48-95-B, E-48-95-D, E-48-96-C
Suối Lên	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 22' 05"	107° 14' 09"	16° 22' 15"	107° 14' 37"	E-48-95-A
suối Pa Chá	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 19' 01"	107° 14' 19"	16° 19' 47"	107° 14' 28"	E-48-95-A
suối Pa Pưng	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 22' 27"	107° 14' 13"	16° 21' 23"	107° 15' 39"	E-48-95-B, E-48-95-A
sông Ta Rênh	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-A
suối Tà Rờm	TV	xã Hồng Kim	H. A Lưới			16° 21' 23"	107° 15' 47"	16° 21' 32"	107° 17' 37"	E-48-95-B
Núi Va	SV	xã Hồng Kim	H. A Lưới	16° 18' 40"	107° 13' 26"					E-48-95-A
quốc lộ 49A*	KX	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-A
núi A Dóa*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 23' 50"	107° 08' 48"					E-48-95-A
thôn A Pỉ*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 23' 50"	107° 03' 46"					E-48-95-A
núi A Pong*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 26' 60"	107° 05' 15"					E-48-95-A
cống A Xóa*	KX	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 23' 47"	107° 04' 06"					E-48-95-A
khe A Xóa*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 24' 05"	107° 03' 51"	16° 23' 44"	107° 04' 00"	E-48-95-A
suối Ân Treng*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 19' 19"	107° 01' 13"	16° 21' 43"	107° 00' 52"	E-48-95-A
núi Ca Cựt*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 24' 00"	107° 06' 53"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ca Rôông*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 20' 31"	107° 02' 17"					E-48-95-A
Núi Chè*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 21' 35"	107° 04' 14"					E-48-95-A
sông Đa Krông*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 25' 26"	107° 08' 27"	16° 21' 44"	107° 00' 51"	E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh*	KX	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
thôn Kê 1*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 22' 36"	107° 04' 12"					E-48-95-A
thôn Kê 2*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 22' 42"	107° 02' 47"					E-48-95-A
thôn La Nga*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 22' 13"	107° 02' 56"					E-48-95-A
núi Lây Xa Ry*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 19' 20"	107° 01' 47"					E-48-95-A
cầu Li Leng*	KX	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 21' 58"	107° 04' 45"					E-48-95-A
suối Li Leng*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 21' 48"	107° 05' 27"	16° 22' 34"	107° 02' 28"	E-48-95-A
suối Pa Ay*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 18' 42"	107° 05' 15"	16° 22' 00"	107° 01' 22"	E-48-95-A
núi Pa Hiếc*	SV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 21' 55"	107° 02' 05"					E-48-95-A
suối Pa Rốc*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 18' 13"	107° 02' 46"	16° 21' 29"	107° 02' 11"	E-48-95-A
thôn Pi Re 1*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 21' 49"	107° 01' 32"					E-48-95-A
thôn Pi Re 2*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 21' 13"	107° 01' 18"					E-48-95-A
cầu Py Hay*	KX	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 23' 51"	107° 04' 26"					E-48-95-A
suối Ra Ngao*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 23' 25"	107° 06' 34"	16° 24' 37"	107° 05' 44"	E-48-95-A
suối Tân Tưng*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 22' 10"	107° 04' 37"	16° 23' 11"	107° 03' 26"	E-48-95-A
Suối Tru*	TV	xã Hồng Thủy	H. A Lưới			16° 26' 37"	107° 05' 49"	16° 24' 41"	107° 05' 21"	E-48-95-A
Thôn Tru*	DC	xã Hồng Thủy	H. A Lưới	16° 24' 12"	107° 03' 58"					E-48-95-A
thôn A Lưới	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 16' 07"	107° 13' 14"					E-48-95-A
thôn Ca Nông	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 15' 19"	107° 13' 26"					E-48-95-A
cầu Hồng Quảng	KX	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 15' 36"	107° 13' 23"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Mù	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 15' 47"	107° 13' 26"					E-48-95-A
thôn Pa Đu	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 15' 02"	107° 13' 41"					E-48-95-A
thôn Priêng	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 14' 42"	107° 13' 54"					E-48-95-C
sông Ta Rênh	TV	xã Hồng Quảng	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-A, E-48-95-C
thôn Ỷ Ri	DC	xã Hồng Quảng	H. A Lưới	16° 14' 54"	107° 13' 36"					E-48-95-C
suối A Chia	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 08' 45"	107° 12' 51"	16° 11' 11"	107° 10' 42"	E-48-95-C
thôn A Đâng	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 11"	107° 14' 17"					E-48-95-C
thôn A Đên	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 21"	107° 14' 39"					E-48-95-C
thôn A La	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 09"	107° 13' 55"					E-48-95-C
núi A Pa Lu	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 09' 20"	107° 11' 38"					E-48-95-C
suối A Riết	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 11' 11"	107° 10' 42"	16° 12' 06"	107° 09' 54"	E-48-95-C
núi À Rum Cà Lưng	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 09' 54"	107° 12' 45"					E-48-95-C
sông A Sáp	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-C
thôn A Vinh	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 26"	107° 14' 18"					E-48-95-C
thôn B Rách	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 05"	107° 13' 40"					E-48-95-C
núi Ca Teng	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 12' 15"	107° 13' 07"					E-48-95-C
núi Hạ Giới	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 10' 07"	107° 09' 31"					E-48-95-C
Núi Phô	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 10' 49"	107° 14' 23"					E-48-95-C
Suối Phô	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 11' 02"	107° 14' 20"	16° 13' 12"	107° 14' 04"	E-48-95-C
suối Pi Ây	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 08' 48"	107° 13' 28"	16° 11' 11"	107° 10' 42"	E-48-95-C
sông Ta Rênh	TV	xã Hồng Thái	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-C
núi Tia Ria	SV	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 13' 24"	107° 13' 13"					E-48-95-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tu Vây	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 08"	107° 14' 40"					E-48-95-C
thôn Y Reo	DC	xã Hồng Thái	H. A Lưới	16° 14' 22"	107° 14' 00"					E-48-95-C
Đồn Biên phòng 629	KX	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 13' 60"	107° 15' 38"					E-48-95-D
núi A Pát	SV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 09' 30"	107° 16' 40"					E-48-95-D
sông A Sáp	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-D
thôn A Sáp	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 13' 44"	107° 15' 21"					E-48-95-D
suối Ca Vúa	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 11' 06"	107° 16' 47"	16° 12' 07"	107° 16' 57"	E-48-95-D
thôn Căn Sâm	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 13' 52"	107° 15' 56"					E-48-95-D
thôn Căn Te	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 14' 02"	107° 15' 15"					E-48-95-D
suối Cân Tôm	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 11' 21"	107° 14' 59"	16° 12' 48"	107° 16' 38"	E-48-95-D
thôn Căn Tôm	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 13' 53"	107° 15' 39"					E-48-95-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-D
thôn Hồng Hợp	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 14' 06"	107° 16' 04"					E-48-95-D
thôn Hợp Thượng	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 14' 11"	107° 15' 50"					E-48-95-D
suối Kiền Kiền	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 08' 40"	107° 15' 01"	16° 11' 22"	107° 15' 44"	E-48-95-D
thôn Ky Ré	DC	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 13' 54"	107° 16' 08"					E-48-95-D
suối Mỹ Ra	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 10' 41"	107° 16' 37"	16° 11' 39"	107° 17' 27"	E-48-95-D
Núi Phô	SV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới	16° 10' 49"	107° 14' 23"					E-48-95-C
Suối Phô	TV	xã Hồng Thượng	H. A Lưới			16° 11' 02"	107° 14' 20"	16° 13' 12"	107° 14' 04"	E-48-95-C
suối A La	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 20' 36"	107° 12' 07"	16° 21' 18"	107° 09' 41"	E-48-95-A
sông A Linh	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 16' 42"	107° 11' 20"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-A
núi A Ló	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 20' 28"	107° 12' 51"					E-48-95-A
thôn A Niêng	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 54"	107° 10' 07"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi A Túc	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 18' 06"	107° 10' 22"					E-48-95-A
núi A Tung	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 17' 40"	107° 08' 53"					E-48-95-A
suối A Tung	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 17' 03"	107° 08' 53"	16° 16' 52"	107° 08' 40"	E-48-95-A
suối Ca Lang	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 20' 33"	107° 09' 19"	16° 20' 55"	107° 08' 30"	E-48-95-A
núi Cu Bung	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 20' 29"	107° 10' 41"					E-48-95-A
Thôn Đụt	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 01"	107° 10' 24"					E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
Suối Hu	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 21' 44"	107° 05' 41"	16° 20' 35"	107° 08' 15"	E-48-95-A
núi Ki Can	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 40"	107° 06' 39"					E-48-95-A
suối Klai	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 17' 56"	107° 06' 19"	16° 18' 00"	107° 07' 07"	E-48-95-A
thôn Lê Triêng 1	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 38"	107° 10' 28"					E-48-95-A
thôn Lê Triêng 2	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 19"	107° 10' 50"					E-48-95-A
suối Pa Leng	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 20' 08"	107° 11' 43"	16° 18' 35"	107° 11' 20"	E-48-95-A
núi Rơ Hang	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 20' 23"	107° 07' 57"					E-48-95-A
Thôn Ta	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 20' 23"	107° 09' 32"					E-48-95-A
suối Ta Ay	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 18' 00"	107° 07' 07"	16° 19' 05"	107° 08' 26"	E-48-95-A
thôn Tà Ay	DC	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 20' 58"	107° 08' 50"					E-48-95-A
núi Ta Koong	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 19"	107° 09' 21"					E-48-95-A
sông Ta Rênh	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 20' 06"	107° 11' 08"	16° 13' 40"	107° 14' 28"	E-48-95-A
cầu Ta Riêng	KX	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 19' 47"	107° 10' 19"					E-48-95-A
suối Tà Rốc	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 20' 16"	107° 10' 23"	16° 20' 33"	107° 09' 19"	E-48-95-A
núi Tam Boi	SV	xã Hồng Trung	H. A Lưới	16° 18' 45"	107° 06' 01"					E-48-95-A
khe Ti O	TV	xã Hồng Trung	H. A Lưới			16° 19' 10"	107° 05' 49"	16° 20' 14"	107° 06' 07"	E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 49A	KX	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-A
thôn A Hố	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 09"	107° 08' 48"					E-48-95-A
sông A Linh	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 16' 42"	107° 11' 20"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-A
thôn A Năm	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 21"	107° 08' 04"					E-48-95-A
núi A Noong	SV	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 18"	107° 06' 19"					E-48-95-A
thôn Ca Cú 1	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 51"	107° 07' 04"					E-48-95-A
thôn Ca Cú 2	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 35"	107° 07' 19"					E-48-95-A
Đồn Biên phòng Cửa khẩu Hồng Vân	KX	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 49"	107° 07' 47"					E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A
Suối Hu	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 21' 44"	107° 05' 41"	16° 20' 35"	107° 08' 15"	E-48-95-A
Thôn Hu	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 20' 30"	107° 06' 34"					E-48-95-A
Thôn Kê	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 22' 36"	107° 06' 21"					E-48-95-A
núi Ki Can	SV	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 20' 49"	107° 07' 20"					E-48-95-A
Cầu Not	KX	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 22' 50"	107° 06' 11"					E-48-95-A
đèo Pe Kê	SV	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 23' 12"	107° 06' 28"					E-48-95-A
thác Ra Ca	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 17"	107° 05' 21"					E-48-95-A
suối Ra Ngao	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 23' 25"	107° 06' 34"	16° 24' 37"	107° 05' 44"	E-48-95-A
thôn Ta Lo	DC	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 21' 33"	107° 08' 59"					E-48-95-A
khe Ti O	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 19' 10"	107° 05' 49"	16° 20' 14"	107° 06' 07"	E-48-95-A
cầu Vi An	KX	xã Hồng Vân	H. A Lưới	16° 22' 10"	107° 06' 54"					E-48-95-A
suối Vi An	TV	xã Hồng Vân	H. A Lưới			16° 22' 06"	107° 05' 53"	16° 20' 47"	107° 07' 57"	E-48-95-A
đèo A Năm	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 06' 09"	107° 21' 52"					E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu A Sáp	KX	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 07' 53"	107° 19' 58"					E-48-95-D
sông A Sáp	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-D
thôn A So 1	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 06' 50"	107° 20' 41"					E-48-95-D
thôn A So 2	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 07' 16"	107° 20' 38"					E-48-95-D
thôn Ba Lạch	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 06' 45"	107° 20' 59"					E-48-95-D
Sông Bồ	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-D
suối Ca Luông	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 09' 19"	107° 21' 32"	16° 11' 47"	107° 22' 37"	E-48-95-D
suối Ca Nôn	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 07' 02"	107° 21' 51"	16° 08' 24"	107° 19' 51"	E-48-95-D
thôn Ca Nôn 1	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 07' 47"	107° 20' 17"					E-48-95-D
thôn Ca Nôn 2	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 08' 25"	107° 19' 58"					E-48-95-D
đồi Đánh Đá	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 09' 12"	107° 19' 45"					E-48-95-D
Núi Dừa	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 08' 55"	107° 20' 08"					E-48-95-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-D
suối La Tinh	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 03' 41"	107° 19' 46"	16° 06' 29"	107° 21' 06"	E-48-95-D
thôn Liên Hiệp	DC	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 06' 15"	107° 21' 27"					E-48-95-D
núi Ma Ba	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 10' 03"	107° 20' 38"					E-48-95-D
Núi Nam	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 07' 26"	107° 21' 14"					E-48-95-D
suối Pa Ni	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 09' 31"	107° 20' 29"	16° 19' 27"	107° 11' 40"	E-48-95-D
suối Pa Re	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 08' 00"	107° 19' 36"	16° 09' 01"	107° 19' 27"	E-48-95-D
cầu Pơ Ni	KX	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 08' 34"	107° 19' 53"					E-48-95-D
suối Tam Lanh	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 04' 20"	107° 19' 06"	16° 07' 03"	107° 20' 29"	E-48-95-D
Suối Trệt	TV	xã Hương Lâm	H. A Lưới			16° 04' 56"	107° 18' 49"	16° 07' 45"	107° 19' 58"	E-48-95-D
Núi Xanh	SV	xã Hương Lâm	H. A Lưới	16° 06' 32"	107° 21' 36"					E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 49A	KX	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-B
suối A Bung	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 07' 36"	107° 25' 36"	16° 08' 48"	107° 26' 00"	E-48-95-D
núi A Hô	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 19' 46"	107° 22' 15"					E-48-95-B
suối A Rai	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 09' 14"	107° 25' 01"	16° 09' 34"	107° 26' 19"	E-48-95-D
thôn A Rí	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 16"	107° 23' 09"					E-48-95-B
khe A Tô	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 19' 08"	107° 22' 38"	16° 18' 55"	107° 21' 48"	E-48-95-B
núi Ba Rang	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 14' 06"	107° 23' 05"					E-48-95-D
khe Ba Xong	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 14' 24"	107° 23' 39"	16° 15' 01"	107° 26' 45"	E-48-95-D, E-48-95-B
Sông Bồ	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-D, E-48-95-B
Khe Bụt	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 11' 58"	107° 26' 04"	16° 13' 19"	107° 25' 59"	E-48-95-D
khe Ca Xinh	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 11' 47"	107° 28' 38"	16° 15' 54"	107° 29' 41"	E-48-95-D, E-48-95-B
núi Cha Bôn	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 11' 52"	107° 27' 11"					E-48-95-D
thôn Cha Đu	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 35"	107° 23' 11"					E-48-95-B
suối Cha Lịnh	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 05' 19"	107° 27' 31"	16° 09' 53"	107° 28' 05"	E-48-95-D
núi Cù Mông	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 16"	107° 24' 47"					E-48-95-B
Suối Giồng	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 09' 34"	107° 26' 19"	16° 11' 01"	107° 31' 03"	E-48-95-D
Thôn Giồng	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 01"	107° 23' 11"					E-48-95-B
khe Hà Mã	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 13' 58"	107° 27' 40"	16° 15' 21"	107° 27' 19"	E-48-95-D, E-48-95-B
sông Hữu Trạch	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-95-D, E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Kim Quy	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 19' 07"	107° 23' 59"					E-48-95-B
đồi Kim Quy	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 17' 51"	107° 22' 23"					E-48-95-B
Khe Lác	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 15' 58"	107° 24' 20"	16° 15' 22"	107° 26' 55"	E-48-95-B
thôn Mu Nú	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 17' 36"	107° 23' 23"					E-48-95-B
Thôn Nghĩa	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 52"	107° 23' 16"					E-48-95-B
Núi Ong	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 09' 39"	107° 24' 59"					E-48-95-D
Khe Po	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 13' 12"	107° 23' 38"	16° 12' 56"	107° 22' 45"	E-48-95-D
khe Rao Lác	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 14' 23"	107° 26' 23"	16° 16' 12"	107° 29' 43"	E-48-95-B
núi Ta Lai	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 12' 39"	107° 23' 11"					E-48-95-D
đèo Tà Lương	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 17' 32"	107° 22' 33"					E-48-95-B
khe Ta Mo	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 13' 46"	107° 22' 48"	16° 13' 34"	107° 22' 26"	E-48-95-D
thôn Ta Rá	DC	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 17' 53"	107° 23' 20"					E-48-95-B
khe Tà Rá	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 10' 59"	107° 25' 35"	16° 14' 23"	107° 26' 23"	E-48-95-D
cầu Ta Ve	KX	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 18' 20"	107° 23' 07"					E-48-95-B
khe Thông Đào	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 12' 19"	107° 25' 44"	16° 13' 02"	107° 25' 25"	E-48-95-D
núi Tre Giồng	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 06' 52"	107° 25' 60"					E-48-95-D
núi Tre Lịnh	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 04' 42"	107° 27' 50"					E-48-95-D
suối Ưng Hoong	TV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới			16° 17' 26"	107° 24' 30"	16° 19' 08"	107° 22' 38"	E-48-95-B
núi Vi Xin Na	SV	xã Hương Nguyên	H. A Lưới	16° 03' 14"	107° 28' 01"					E-48-95-D
núi A Pát	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 09' 30"	107° 16' 40"					E-48-95-D
núi A Ru	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 12' 32"	107° 18' 15"					E-48-95-D
sông A Sáp	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-D
khe Ba Ong	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 10' 57"	107° 20' 16"	16° 13' 00"	107° 21' 18"	E-48-95-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Bồ	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-D
suối Cân Sâm	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 10' 21"	107° 17' 20"	16° 11' 06"	107° 17' 45"	E-48-95-D
suối Can Té	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 07' 08"	107° 16' 37"	16° 09' 46"	107° 18' 58"	E-48-95-D
Núi Cho	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 10' 47"	107° 19' 39"					E-48-95-D
Khe Chuồn	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 11' 47"	107° 18' 15"	16° 11' 37"	107° 17' 30"	E-48-95-D
đồi Đánh Đá	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 09' 12"	107° 19' 45"					E-48-95-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-D
thôn Hương Phú	DC	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 11' 10"	107° 18' 06"					E-48-95-D
thôn Hương Thịnh	DC	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 10' 22"	107° 18' 47"					E-48-95-D
núi Ma Ba	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 10' 03"	107° 20' 38"					E-48-95-D
suối Mỹ Ra	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 10' 41"	107° 16' 37"	16° 11' 39"	107° 17' 27"	E-48-95-D
suối Pa Re	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 08' 00"	107° 19' 36"	16° 09' 01"	107° 19' 27"	E-48-95-D
suối Pa Rinh	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 10' 06"	107° 19' 51"	16° 10' 47"	107° 18' 19"	E-48-95-D
Suối Pụt	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 10' 04"	107° 18' 01"	16° 10' 20"	107° 18' 30"	E-48-95-D
suối Ta Hàm 1	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 07' 22"	107° 17' 03"	16° 08' 28"	107° 18' 36"	E-48-95-D
suối Ta Hàm 2	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 07' 32"	107° 18' 17"	16° 08' 28"	107° 18' 36"	E-48-95-D
suối Ta Li	TV	xã Hương Phong	H. A Lưới			16° 13' 25"	107° 18' 18"	16° 12' 25"	107° 22' 29"	E-48-95-D
núi Ti Ta	SV	xã Hương Phong	H. A Lưới	16° 07' 27"	107° 17' 18"					E-48-95-D
thôn A Bả	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 13' 46"	107° 12' 28"					E-48-95-C
núi A Bía	SV	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 13' 58"	107° 09' 58"					E-48-95-C
suối A Bía	TV	xã Nhâm	H. A Lưới			16° 14' 40"	107° 10' 12"	16° 14' 09"	107° 09' 03"	E-48-95-C
thôn A Bung	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 14' 24"	107° 13' 26"					E-48-95-C
suối A Đu	TV	xã Nhâm	H. A Lưới			16° 13' 41"	107° 10' 51"	16° 12' 51"	107° 11' 13"	E-48-95-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn A Hưa	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 15' 03"	107° 12' 13"					E-48-95-A
sông A Linh	TV	xã Nhâm	H. A Lưới			16° 16' 42"	107° 11' 20"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-C
núi A Rum Lùng	SV	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 13' 57"	107° 11' 33"					E-48-95-C
sông A Sáp	TV	xã Nhâm	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-C
núi Bò Ky Hạ	SV	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 12' 32"	107° 09' 24"					E-48-95-C
thôn Kleeng	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 14' 48"	107° 13' 05"					E-48-95-C
thôn Nhâm 1	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 14' 17"	107° 12' 02"					E-48-95-C
thôn Nhâm 2	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 15' 11"	107° 12' 36"					E-48-95-A
thôn Pa E	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 14' 41"	107° 12' 28"					E-48-95-C
thôn Ta Kêu	DC	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 14' 36"	107° 12' 44"					E-48-95-C
núi Ti Ho	SV	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 13' 44"	107° 12' 59"					E-48-95-C
núi Tia Ria	SV	xã Nhâm	H. A Lưới	16° 13' 24"	107° 13' 13"					E-48-95-C
quốc lộ 49A	KX	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-B, E-48-95-D
khe A Á	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 14' 16"	107° 16' 41"	16° 15' 42"	107° 17' 18"	E-48-95-D
suối A Á	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 15' 08"	107° 19' 12"	16° 18' 08"	107° 20' 12"	E-48-95-B
núi A Co	SV	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 13' 40"	107° 17' 19"					E-48-95-D
núi A Ru	SV	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 12' 32"	107° 18' 15"					E-48-95-D
sông A Sáp	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 05' 27"	107° 21' 31"	16° 11' 40"	107° 08' 49"	E-48-95-D
Khe Bưởi	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 13' 53"	107° 17' 21"	16° 15' 21"	107° 17' 35"	E-48-95-B
Khe Chuồn	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 11' 47"	107° 18' 15"	16° 11' 37"	107° 17' 30"	E-48-95-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-D
cầu Mỏ Quạ	KX	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 15' 35"	107° 17' 32"					E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ông Dự	KX	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 14' 53"	107° 17' 11"					E-48-95-D
thôn Phú Thành	DC	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 14' 07"	107° 16' 10"					E-48-95-D
thôn Phú Thuận	DC	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 13' 26"	107° 16' 31"					E-48-95-D
thôn Phú Thượng	DC	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 12' 24"	107° 17' 10"					E-48-95-D
thôn Phú Xuân	DC	xã Phú Vinh	H. A Lưới	16° 13' 00"	107° 16' 47"					E-48-95-D
suối Ta Li	TV	xã Phú Vinh	H. A Lưới			16° 13' 25"	107° 18' 18"	16° 12' 25"	107° 22' 29"	E-48-95-D
quốc lộ 49A	KX	xã Sơn Thủy	H. A Lưới			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-95-B, E-48-95-D
khe A Á	TV	xã Sơn Thủy	H. A Lưới			16° 14' 16"	107° 16' 41"	16° 15' 42"	107° 17' 18"	E-48-95-B
suối A Á	TV	xã Sơn Thủy	H. A Lưới			16° 15' 08"	107° 19' 12"	16° 18' 08"	107° 20' 12"	E-48-95-B
Khe Cốp	TV	xã Sơn Thủy	H. A Lưới			16° 16' 49"	107° 15' 16"	16° 16' 01"	107° 17' 19"	E-48-95-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Thủy	H. A Lưới			16° 23' 49"	107° 03' 40"	16° 01' 19"	107° 30' 20"	E-48-95-A, E-48-95-B, E-48-95-D
cầu Mỏ Quạ	KX	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 15' 35"	107° 17' 32"					E-48-95-B
cầu Ông Dự	KX	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 53"	107° 17' 11"					E-48-95-D
thôn Quảng Hợp	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 22"	107° 15' 49"					E-48-95-D
thôn Quảng Lộc	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 40"	107° 15' 39"					E-48-95-C
thôn Quảng Lợi	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 55"	107° 14' 04"					E-48-95-C
thôn Quảng Ngạn	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 37"	107° 14' 49"					E-48-95-C
thôn Quảng Phú	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 47"	107° 15' 18"					E-48-95-C
thôn Quảng Thọ	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 59"	107° 15' 16"					E-48-95-C
thôn Quảng Vinh	DC	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 14' 37"	107° 14' 27"					E-48-95-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ta Téc	SV	xã Sơn Thủy	H. A Lưới	16° 17' 10"	107° 15' 39"					E-48-95-B
khu vực 1	DC	TT. Khe Tre	H. Nam Đông	16° 10' 46"	107° 43' 11"					E-48-96-C
khu vực 2	DC	TT. Khe Tre	H. Nam Đông	16° 10' 06"	107° 42' 51"					E-48-96-C
khu vực 3	DC	TT. Khe Tre	H. Nam Đông	16° 10' 55"	107° 42' 52"					E-48-96-C
khu vực 4	DC	TT. Khe Tre	H. Nam Đông	16° 10' 04"	107° 43' 31"					E-48-96-C
khu vực 5	DC	TT. Khe Tre	H. Nam Đông	16° 09' 59"	107° 43' 08"					E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	TT. Khe Tre	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
đường tỉnh 14C	KX	TT. Khe Tre	H. Nam Đông			16° 10' 08"	107° 43' 02"	16° 08' 31"	107° 51' 22"	E-48-96-C
Khe Choại	TV	TT. Khe Tre	H. Nam Đông			16° 08' 54"	107° 42' 06"	16° 09' 57"	107° 42' 52"	E-48-96-C
khe Mụ Đoan	TV	TT. Khe Tre	H. Nam Đông			16° 12' 29"	107° 44' 47"	16° 10' 29"	107° 42' 38"	E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	TT. Khe Tre	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Hương Giang	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
núi Chà Pò	SV	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 09' 37"	107° 40' 04"					E-48-96-C
núi Ha De	SV	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 08' 50"	107° 39' 30"					E-48-96-C
khe Hai Nhất	TV	xã Hương Giang	H. Nam Đông			16° 06' 55"	107° 39' 18"	16° 07' 30"	107° 40' 54"	E-48-96-C
khe La Oai	TV	xã Hương Giang	H. Nam Đông			16° 09' 05"	107° 38' 44"	16° 09' 11"	107° 41' 07"	E-48-96-C
thôn Phú Ninh	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 08' 52"	107° 41' 07"					E-48-96-C
thôn Phú Thuận	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 07' 53"	107° 40' 52"					E-48-96-C
thôn Phú Trung	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 08' 34"	107° 41' 00"					E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Giang	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
thôn Tây Linh	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 07' 14"	107° 40' 32"					E-48-96-C
thôn Tây Lộc	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 07' 56"	107° 40' 35"					E-48-96-C
thôn Thuận Hòa	DC	xã Hương Giang	H. Nam Đông	16° 07' 47"	107° 40' 32"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Hương Hòa	H. Nam Đông	16° 09' 31"	107° 42' 51"					E-48-96-C
thôn 9	DC	xã Hương Hòa	H. Nam Đông	16° 09' 46"	107° 42' 33"					E-48-96-C
thôn 10	DC	xã Hương Hòa	H. Nam Đông	16° 09' 53"	107° 41' 46"					E-48-96-C
thôn 11	DC	xã Hương Hòa	H. Nam Đông	16° 09' 01"	107° 41' 42"					E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Hương Hòa	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
Khe Choại	TV	xã Hương Hòa	H. Nam Đông			16° 08' 54"	107° 42' 06"	16° 09' 57"	107° 42' 52"	E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Hòa	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Hương Hữu	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
thôn Bá Tang	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 52"	107° 39' 34"					E-48-96-C
núi Cha Nghe	SV	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 32"	107° 39' 08"					E-48-96-C
thôn Con Gia	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 45"	107° 39' 56"					E-48-96-C
thôn Gia Hin	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 19"	107° 39' 22"					E-48-96-C
núi Ha De	SV	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 08' 50"	107° 39' 30"					E-48-96-C
khe Hai Nhất	TV	xã Hương Hữu	H. Nam Đông			16° 06' 55"	107° 39' 18"	16° 07' 30"	107° 40' 54"	E-48-96-C
khe La Oai	TV	xã Hương Hữu	H. Nam Đông			16° 09' 05"	107° 38' 44"	16° 09' 11"	107° 41' 07"	E-48-96-C
thôn Ra Đang	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 31"	107° 39' 26"					E-48-96-C
thôn Ra Rang	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 08' 00"	107° 40' 08"					E-48-96-C
thôn Rung Ghềnh	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 08' 08"	107° 40' 18"					E-48-96-C
thôn Ư Rang	DC	xã Hương Hữu	H. Nam Đông	16° 07' 30"	107° 40' 21"					E-48-96-C
thôn 1	DC	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 08' 50"	107° 44' 19"					E-48-96-C
thôn 2	DC	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 10' 48"	107° 42' 53"					E-48-96-C
thôn 3	DC	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 09' 45"	107° 43' 43"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 14C	KX	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 10' 08"	107° 43' 02"	16° 08' 31"	107° 51' 22"	E-48-96-C, E-48-96-D-a
Khe Ao	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 11' 06"	107° 48' 14"	16° 08' 29"	107° 47' 24"	E-48-96-D-a
khe Ba Bi	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 10' 22"	107° 49' 55"	16° 08' 29"	107° 50' 11"	E-48-96-D-a
núi Bạch Mã	SV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 10' 33"	107° 50' 10"					E-48-96-D-a
Khe Đai	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 10' 31"	107° 49' 51"	16° 14' 18"	107° 47' 26"	E-48-96-D-a
núi Đlíp	SV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 09' 38"	107° 49' 06"					E-48-96-D-a
suối Đỗ Quyên	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 10' 44"	107° 50' 54"	16° 09' 53"	107° 51' 21"	E-48-96-D-a
núi Ki Dao	SV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 09' 35"	107° 45' 42"					E-48-96-D-a
sông Ma Ran	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 08' 29"	107° 51' 21"	16° 08' 03"	107° 45' 10"	E-48-96-D-a
khe Mỏ Ran	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 09' 53"	107° 51' 21"	16° 08' 30"	107° 51' 11"	E-48-96-D-a

(Xem tiếp Công báo số 315 + 316)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng